

MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ</b> .....	1
<b>KINH DOANH</b> .....	5
<b>I. Khái quát đặc điểm nền kinh tế thị trường và vai kế toán tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</b> .....	5
<b>1.1. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	5
<b>1.1.1. Một số khái niệm cơ bản:</b> .....	5
<b>1.1.2. Phân loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b> .....	8
<b>1.1.2.1. Phân loại doanh thu</b> .....	8
<b>1.1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh</b> .....	10
<b>1.1.2.3. Phân loại kết quả kinh doanh</b> .....	10
<b>1.1.3. Vai trò của công tác kế toán tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	11
<b>1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b> .....	12
<b>1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</b> .....	12
<b>1.2.1. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	12
<b>1.2.2. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b> .....	14
<b>1.2.3. Nhóm tài khoản xác định kết quả kinh doanh của hoạt động khác</b> .....	35
<b>1.2.4. Nhóm tài khoản xác định kết quả kinh doanh</b> .....	36
<b>1.2.4. Tổ chức vận dụng hệ thống Báo cáo kế toán trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</b> .....	41
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÚ</b>	

<b>HƯNG</b> .....	44
<b>2.1. Đặc điểm chung về tình hình hoạt động của công ty</b> .....	44
<b>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty</b> .....	44
<b>2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn và chiến lược phát triển kinh doanh của công ty</b> .....	45
<b>2.1.3. Những thành tích công ty đạt được trong những năm gần đây:</b> .....	49
<b>2.1.4. Hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty</b> .....	50
<b>2.1.6. Mô hình bộ máy kế toán trong công ty</b> .....	55
<b>2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phú Hưng.</b> .....	59
<b>2.2.1. Thực trạng vận dụng hệ thống chứng từ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	59
<b>2.2.2. Thực trạng vận dụng hệ thống tài khoản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phú Hưng.</b> .....	68
<b>2.2.3. Thực trạng vận dụng hệ thống sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	69
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH</b> .....	85
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b> .....	85
<b>3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phú Hưng</b> .....	85
<b>3.1.1. Kết quả</b> .....	85
<b>3.1.2. Tồn tại</b> .....	87
<b>3.2. Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phú Hưng.</b> .....	88

## LỜI MỞ ĐẦU

Với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã thành công trong việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, tổ chức thành công hội nghị APEC và hội nghị AFTA. Đây là cơ hội tốt để nước ta quảng bá về hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, giúp nền kinh tế Việt Nam đẩy mạnh phát triển theo kịp thời đại. Đồng thời, nó cũng tạo ra những thách thức lớn đối với nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần còn non kém của nước ta.

Để phù hợp với sự tồn tại và điều tiết của quy luật kinh tế khách quan như quy luật cạnh tranh, cung cầu, quy luật giá cả... đòi hỏi phải cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác và toàn diện về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý và sử dụng lao động, vật tư và tiền vốn trong quá trình hoạt động kinh doanh, làm cơ sở tiền đề cho việc ra quyết định, chủ trương nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cho cuộc sống con người. Mỗi nhà kinh doanh đều phải tự đặt ra câu hỏi: “ Sản xuất gì? Sản xuất cho ai? Sản xuất như thế nào? ” để đạt mức lợi nhuận tối đa. Chính vì vậy, đòi hỏi chủ doanh nghiệp và các cán bộ quản lý doanh nghiệp cần phải nhận thức và áp dụng các phương pháp quản lý doanh nghiệp trên cơ sở những số liệu thực tế đã hạch toán để phân tích kinh tế và phân tích toàn cục quá trình SXKD, tìm ra những ưu khuyết điểm của những hoạt động kinh tế đã thực hiện và đưa ra biện pháp giải quyết chúng. Từ đó đưa quá trình sản xuất kinh doanh phát triển không ngừng.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Phú Hưng, dưới sự hướng dẫn tận tình của Giáo viên hướng dẫn : TS Nghiêm Thị Thà và các cán bộ thuộc phòng kế toán cũng như các phòng ban chức năng khác, em đã thực hiện bài luận án tốt nghiệp này nhằm tìm hiểu công tác kế toán trong thực tế, so sánh sự khác biệt giữa

lý thuyết và thực tiễn. Nội dung bài viết sẽ đi sâu vào tìm hiểu phân hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Em xin trình bày báo cáo thực tập của em gồm 3 phần:

- **Phần 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- **Phần 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phú Hưng**

- **Phần 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

# CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

**I. Khái quát đặc điểm nền kinh tế thị trường và vai kế toán tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**1.1. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

**1.1.1. Một số khái niệm cơ bản:**

- Hàng hóa:

Hàng hóa là những vật phẩm các doanh nghiệp mua về để bán phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội.

- Thành phẩm:

Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc giai đoạn cuối cùng của quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm đó, đã qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, được nhập kho hoặc giao trực tiếp cho khách hàng.

- Sản phẩm sản xuất: là kết quả của quá trình sản xuất

- Sản phẩm tiêu thụ: là kết quả của hoạt động thương mại

- Bán hàng: là quá trình chuyển giao quyền sở hữu từ 1 người bán đến 1 người mua, đồng thời người bán có quyền đòi tiền về số sản phẩm đã được chuyển giao.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu: là thời điểm người mua chấp nhận thanh toán

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và phụ.

- Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp (nợ không ai đòi, thu về thanh lý TSCĐ, tài sản thừa chưa rõ nguyên nhân..)

- Hình thức thanh toán: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, góp phần làm tăng vốn CSH

- Doanh thu thuần: là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

- Doanh thu bán hàng:

DTBH là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của DN góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại.

- Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Chiết khấu thương mại: là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do việc khách hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng mua bán.

- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn..

- Hàng bán bị trả lại: là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng người mua trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân thuộc về người bán.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào giá trị hàng hóa giữa các quốc gia.

- Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị gốc của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, lao vụ đã được tiêu thụ trong kỳ, ý nghĩa của giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng

khi xuất kho hàng bán và tiêu thụ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn để xác định kết quả. Xác định đúng giá vốn có ý nghĩa quan trọng vì từ đó doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh.

- Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và những hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý: bao gồm toàn bộ lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ của ban giám đốc, nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng trong doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu: bao gồm các chi phí vật liệu liên quan đến bán hàng.

- Chi phí công cụ đồ dùng: phản ánh giá trị công cụ đồ dùng phục vụ cho bán hàng và công tác quản lý.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí dự phòng: phản ánh khoản dự phòng phải thu khó đòi tính vào chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí về dịch vụ mua ngoài như tiền nước, tiền điện, tiền điện thoại,....

- Doanh thu tài chính, chi phí tài chính

- Doanh thu tài chính bao gồm: các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính như tiền lãi gồm tiền lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư tín phiếu, trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ....; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản...; cổ tức, lợi tức được chia, chênh lệch lãi chuyển nhượng.

- Chi phí tài chính: bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ có liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp

vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.....

- Chi phí khác, thu nhập khác:

Chi phí khác, thu nhập khác là những khoản thu nhập hay chi phí mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc đó là những khoản thu, chi không mang tính thường xuyên. Các khoản thu nhập và chi phí khác phát sinh có thể do nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp hoặc do khách quan mang lại.

- Kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

### **1.1.2. Phân loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.1.2.1. Phân loại doanh thu**

Tùy theo từng loại hình SXKD có các loại doanh thu sau:

\*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo



phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Với SP, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc chịu VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có VAT)

- Với SP, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán ( giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

#### \*Doanh thu hoạt động tài chính

Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp như vốn góp liên doanh, đầu tư chứng khoán...

Mọi khoản thu nhập đều liên quan đến hoạt động đầu tư về vốn hoặc kinh doanh về vốn tạo thành chỉ tiêu doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp: lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản.

- Thu nhập từ đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư khác

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn

.....

\*Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Ngoài ra còn các khoản thu nhập khác.

### **1.1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh**

\*Phân loại theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí, bao gồm:

- Chi phí vật tư
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí và xu hướng thay đổi của từng yếu tố chi phí sản xuất.

\*Phân loại theo mục đích, công dụng của chi phí, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Cách phân loại này có nhằm phục vụ công tác quản lý chi phí sản xuất theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành theo khoản mục, là căn cứ lập định mức chi phí, kế hoạch giá thành sản phẩm kỳ sau.

\*Phân loại theo phương pháp tập hợp chi phí

- Chi phí trực tiếp
- Chi phí gián tiếp

Cách phân loại này giúp kế toán xác định phương pháp tập hợp chi phí vào các đối tượng, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

### **1.1.2.3. Phân loại kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Cách xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch

vụ mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả này được xác định bằng cách so sánh một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ. (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...)

Kết quả hoạt động khác là kết quả từ hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (Sau khi đã trừ đi thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được tổng kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là có hiệu quả hay chưa có hiệu quả. Điều này giúp cho nhà quản lý đưa ra được những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.1.3. Vai trò của công tác kế toán tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động SXKD, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn giản cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn giúp các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, là nguồn để tham gia góp các cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác.

- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động SXKD và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng trong sự

tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp. Xác định đúng kết quả giúp doanh nghiệp biết được tình hình SXKD của mình, biết được xu thế phát triển để từ đó doanh nghiệp đưa ra được những chiến lược SXKD cụ thể trong chu kỳ SXKD tiếp theo. Việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

#### **1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ. Vận dụng nguyên tắc giá phí và các phương pháp tính giá phù hợp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác xác định đúng đắn kết quả kinh doanh

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và sự biến động của thành phẩm, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra giám sát tình hình quản lý thành phẩm trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả.

### **1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### **1.2.1. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

- **Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01- GTKT): dùng cho doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT, hóa đơn GTGT cần nêu rõ 3 mục tiêu: giá bán chưa tính thuế GTGT, thuế GTGT và tổng giá thanh toán. Mỗi hóa đơn được lập cho những sản phẩm, dịch vụ có cùng thuế suất.

- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02- GTKT): dùng cho doanh nghiệp áp dụng tính

thuế theo phương pháp trực tiếp, hoặc những mặt hàng không phải chịu thuế GTGT.

- Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi.
- Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, séc chuyên khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bản sao kê của ngân hàng.
- Tờ khai thuế GTGT
- Chứng từ liên quan như phiếu nhập kho hàng trả lại...

Căn cứ vào chứng từ bán hàng là các hóa đơn bán hàng kèm giấy đề nghị mua hàng, kế toán tiêu thụ thành phẩm sẽ tiến hành ghi sổ chi tiết bán hàng cho từng loại thành phẩm. Ngoài giá bán thực tế tiêu thụ trong kỳ, kế toán phải theo dõi các khoản phí thu thêm, hoặc các khoản trợ giá, phụ thu theo quy định của nhà nước.

Từ hóa đơn bán hàng, kế toán xác định số thuế GTGT đầu ra với các doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ, hoặc thuế TTĐB đối với doanh nghiệp sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu cho từng loại sản phẩm. Cuối kỳ kế toán lập bảng tổng hợp thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu cho tất cả số thành phẩm tiêu thụ trong kỳ.

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng và phiếu thu kế toán vào sổ thanh toán với người mua, Sổ chi tiết thanh toán với người mua được mở trang riêng cho tất cả khách hàng thường xuyên và mở trang riêng cho các khách hàng không thường xuyên. Ngoài ra kế toán còn phải theo dõi thời hạn thanh toán cũng như các khoản chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Qua đó nhân viên phụ trách công nợ sẽ có kế hoạch đôn đốc khách hàng trả nợ đúng hạn.

**Chứng từ kế toán sử dụng trong chi phí bao gồm:**

- Hệ thống chứng từ giá vốn hàng bán:
  - + Phiếu xuất kho
  - + Phiếu nhập kho
  - + Hợp đồng kiểm phiếu xuất kho

+Bảng kê mua hàng

+Hóa đơn GTGT...

Để theo dõi kế toán giá vốn hàng bán, chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho. Khi xuất thành phẩm, hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hóa đồng thời làm cơ sở vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa. Đồng thời ghi nhận về số lượng hiện vật, kho hàng sử dụng thẻ kho.

- **Hệ thống chứng từ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

+Chứng từ thanh toán phục vụ bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, séc thanh toán....

+Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương

+Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

+Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

+Hóa đơn GTGT

### **1.2.2. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị gốc của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, lao vụ đã thực sự tiêu thụ trong kỳ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

- Các phương pháp xác định giá vốn hàng hóa xuất kho:

\*Phương pháp đơn giá bình quân:

Theo phương pháp này, giá thực tế của hàng xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

Giá thực tế hàng xuất kho = Số lượng hàng hóa xuất kho \* Giá đơn vị bình quân xuất kho

Khi sử dụng giá đơn vị bình quân, có thể sử dụng dưới 3 dạng:

- Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ: giá được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán nên có thể ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ =  $\frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$

- Giá đơn vị bình quân của kỳ trước: trị giá thực tế của hàng xuất dùng kỳ này sẽ được tính theo giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước.

Giá bình quân của kỳ trước =  $\frac{\text{Trị giá tồn kỳ trước}}{\text{Số lượng tồn kỳ trước}}$

- Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập: phương pháp này đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Tuy nhiên khối lượng tính toán sẽ lớn bởi sau mỗi lần nhập kho kế toán lại phải tiến hành tính toán.

\*Phương pháp nhập trước – xuất trước

Theo phương pháp này, số hàng nào nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước thì mới xuất số nhập sau theo giá trị thực tế số hàng xuất. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng mua vào cuối cùng.

\*Phương pháp nhập sau - xuất trước

Phương pháp này giả định những hàng mua sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Phương pháp này ngược lại với phương pháp nhập trước – xuất trước.

\*Phương pháp giá đích danh:

Theo phương pháp này, hàng được xác định theo đơn chiếc hay từng lô, giữ nguyên từ lúc nhập cho đến khi xuất dùng. Khi xuất hàng nào thì sẽ tính theo giá thực tế của hàng đó.

**Tài khoản sử dụng:**

**\*TK 632: “ giá vốn hàng bán”.**

**Trường hợp 1: doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

**Bên nợ:**

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh:  
+Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ

+Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, vượt trên mức bình thường được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

+Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:

+Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ

+Chi phí sửa chữa, nâng cấp cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư.

+Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ.

+Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ.

+Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ

**Bên có:**

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

**TK 632 không có số dư cuối kỳ.**

**Một số tài khoản liên quan:**

\*TK 156: “hàng hóa”: phản ánh giá trị thực tế hàng hóa tại kho, tại quầy, cho tiết theo từng kho, quầy, loại, nhóm... hàng hóa.

**Bên nợ:** phản ánh làm tăng giá trị thực tế hàng hóa tại kho ( giá mua và chi phí thu mua)

**Bên có:** giá trị mua hàng của hàng hóa xuất tại kho.



**Dư nợ:** trị giá thực tế hàng hóa tồn kho

- Phương pháp tính giá thành phẩm xuất kho:

\*Phương pháp giá đích danh

\*Phương pháp bình quân gia quyền

\*Phương pháp nhập trước – xuất trước

\*Phương pháp nhập sau – xuất trước

\***TK 155: “thành phẩm”**: phản ánh tình hình hiện có và sự biến động của các loại thành phẩm qua kho theo Zsx thực tế (được mở chi tiết cho từng loại sản phẩm tùy theo yêu cầu quản lý).

**Bên nợ:** các nghiệp vụ làm tăng giá trị thành phẩm.

**Bên có:** các nghiệp vụ làm giảm giá trị thành phẩm.

**Dư nợ:** phản ánh trị giá thành phẩm tồn kho thực tế.

\***TK 157: “ hàng gửi bán”**: dùng để theo dõi trị giá của sản phẩm (theo Zsx thực tế) và trị giá hàng hóa (theo giá mua) được tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận hoặc đại lý lý gửi.

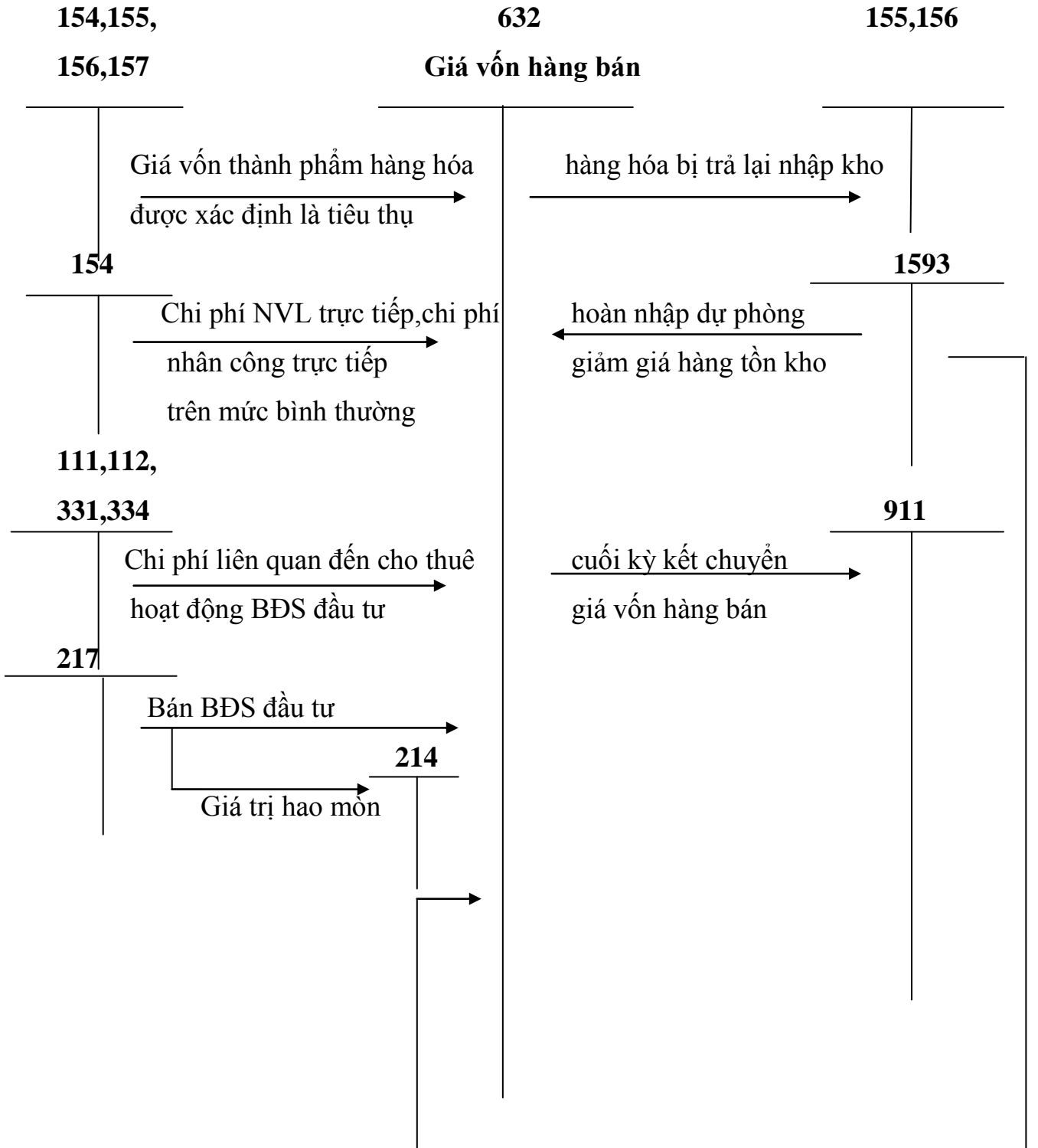
**Bên nợ:** trị giá hàng gửi bán chưa bán được tăng thêm trong kỳ

**Bên có:** +trị giá hàng gửi bán đã bán được trong kỳ

+ trị giá hàng gửi bán không bán được đã thu hồi về

**Dư nợ:** giá trị sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ gửi bán chưa bán được.

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN**  
( theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho

**Trường hợp 2: doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

***Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:***

**\*TK 632:**

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước)

**Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là đã bán.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

***Đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ:***

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước)
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

**Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155 “thành phẩm”
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**TK 632 không có số dư cuối kỳ.**

**TK liên quan:**

**\*TK 155,157:**

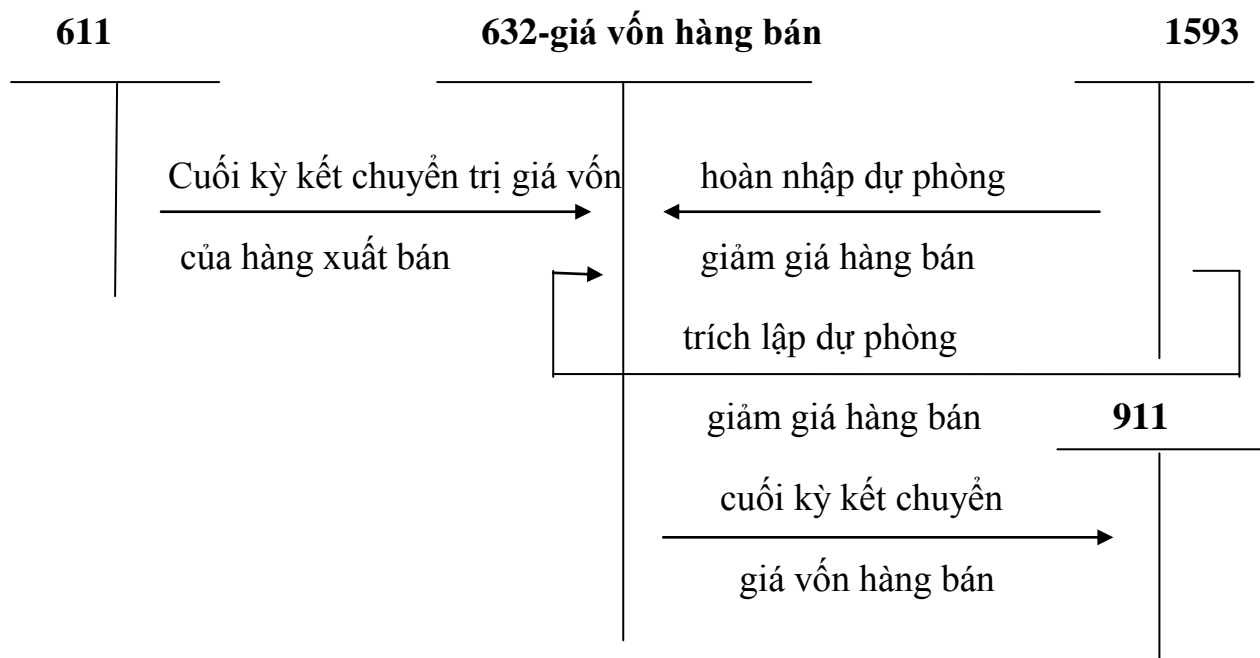
**Bên nợ:** trị giá thành phẩm, hàng gửi bán chưa bán được lúc cuối kỳ

**Bên có:** kết chuyển trị giá thành phẩm, hàng gửi bán chưa bán được lúc đầu kỳ.

**Dư nợ:** trị giá thành phẩm, hàng gửi bán còn lại tại thời điểm kiểm kê.

### SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

( theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp thương mại)

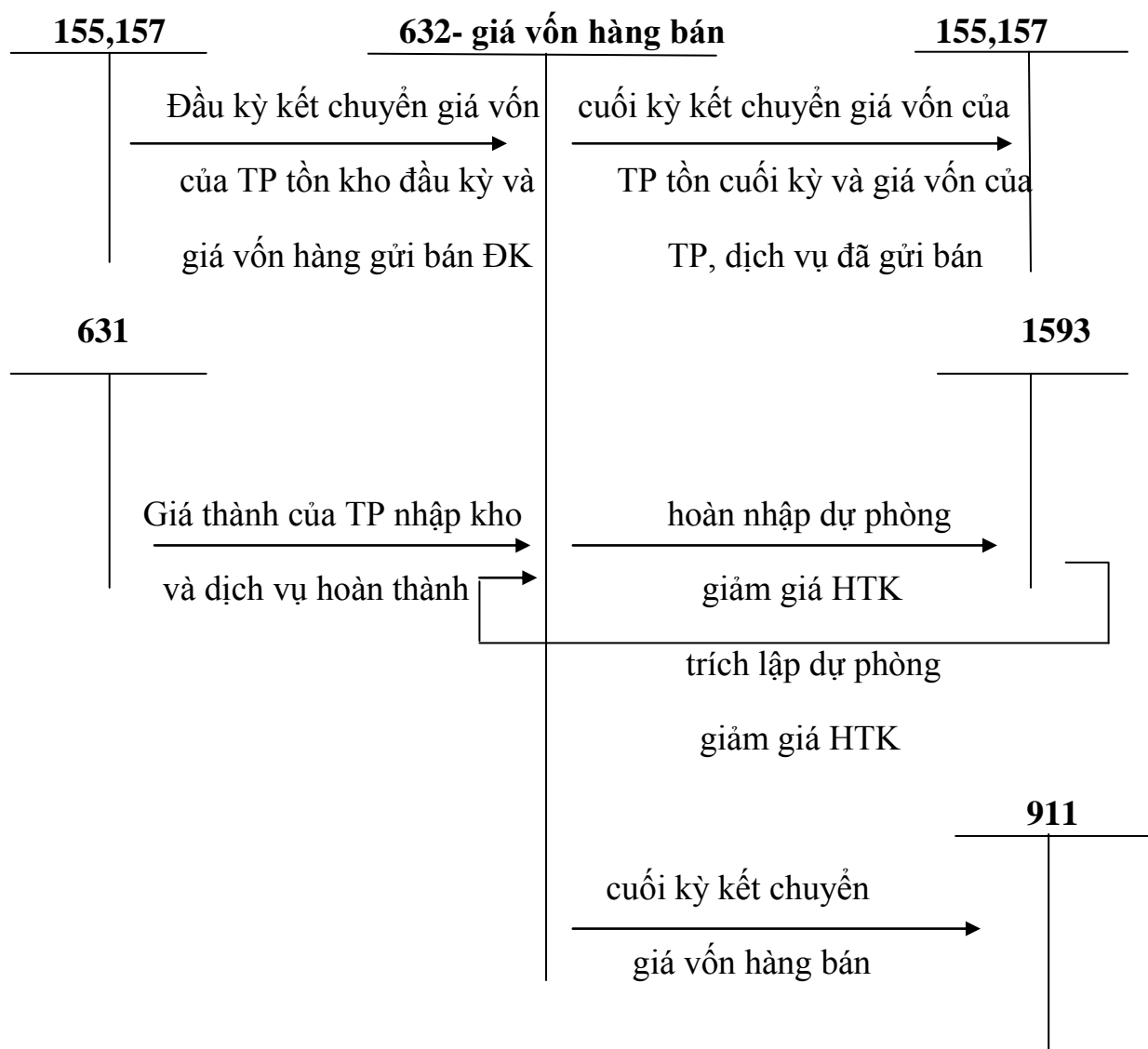


TK 1593: “ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

TK 611: “ Mua hàng”

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

(theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ)



**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Điều kiện ghi nhận doanh thu :**

\**Ghi nhận doanh thu bán hàng:*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện

sau:

+DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

+Doanh thu đã được xác định tương đối chắc chắn.

+DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

+DN còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường.

+Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua.

+Hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.

+Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và DN chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

*\*Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

- Cung cấp dịch vụ: nghĩa là thực hiện các công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

+Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế

toán.

+Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

\*Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Tiền lãi: số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,...

- Tiền bản quyền: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...

- Cổ tức và lợi nhuận được chia: là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

-Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở đồng tích phù hợp với hợp đồng.

+Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

*\*Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc chịu VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có VAT)

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế

XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)

- DN nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

**Tài khoản sử dụng:**

**Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

**Bên nợ:**

-Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

-Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

-Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

-Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

-Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

-Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

**Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.**

***Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:***

+ *Tài khoản 5111 “Doanh thu bán hàng hóa”*: Phản ánh doanh thu của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực...

+ *Tài khoản 5112 “Doanh thu bán các thành phẩm”*: Phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm (Thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán



trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

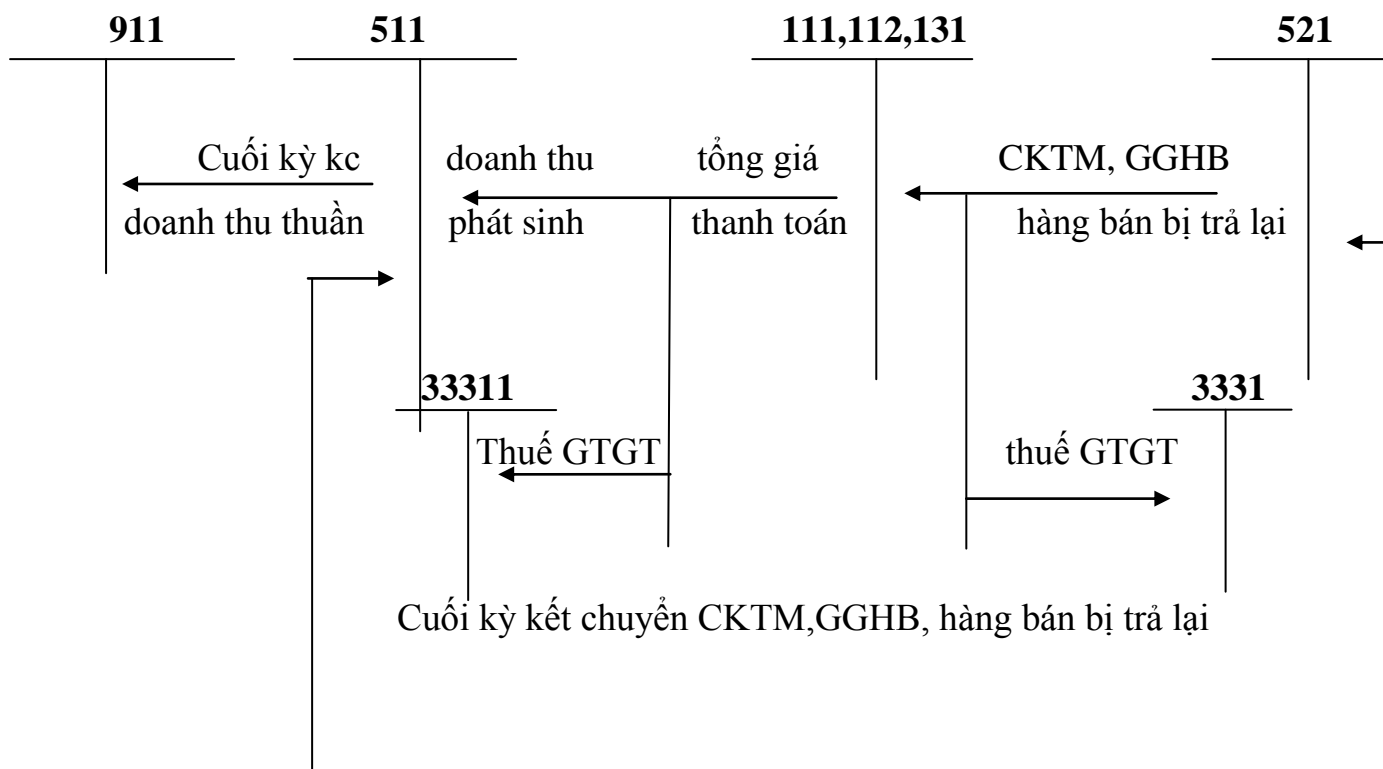
Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp...

+ *Tài khoản 5113 “ Doanh thu cung cấp dịch vụ ”* : Phản ánh doanh thu của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.

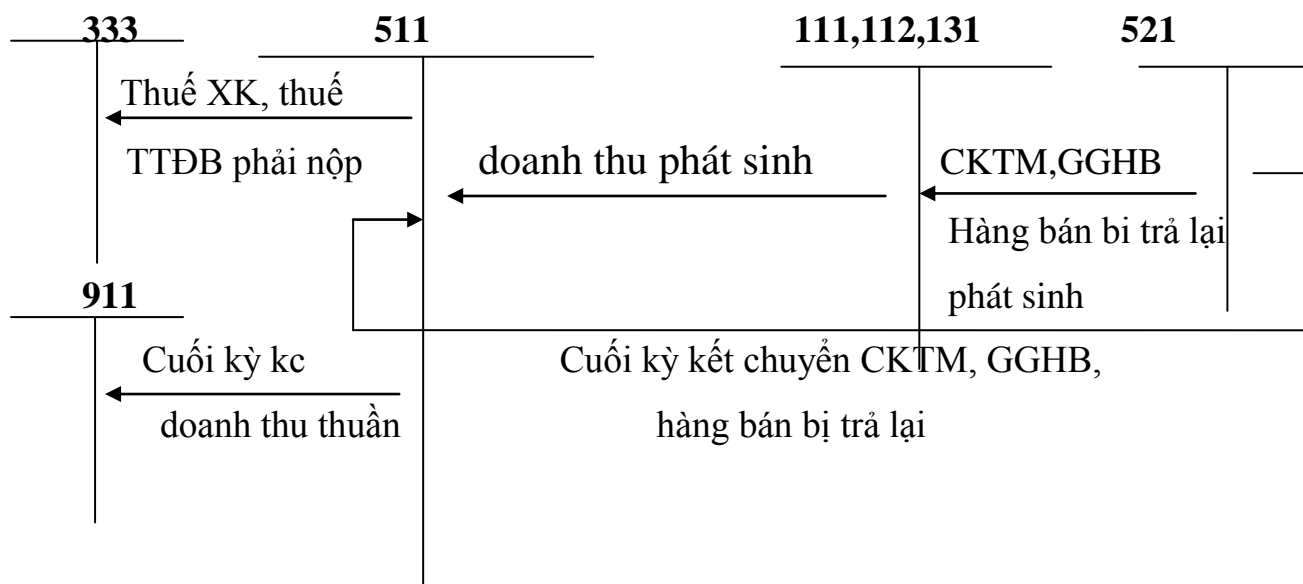
Tài khoản này chủ yếu dành cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán....

+ *Tài khoản 5118 “ Doanh thu khác ”* : Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu về cho thuê hoạt động, nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước....

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG  
VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**  
(trường hợp doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ)



**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG  
VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ  
(trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)**



**Doanh thu hoạt động tài chính:**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Tài khoản sử dụng:**

**Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”:**

**Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp ( nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên có:**

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch của hoạt động kinh doanh

trong kỳ

-Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.

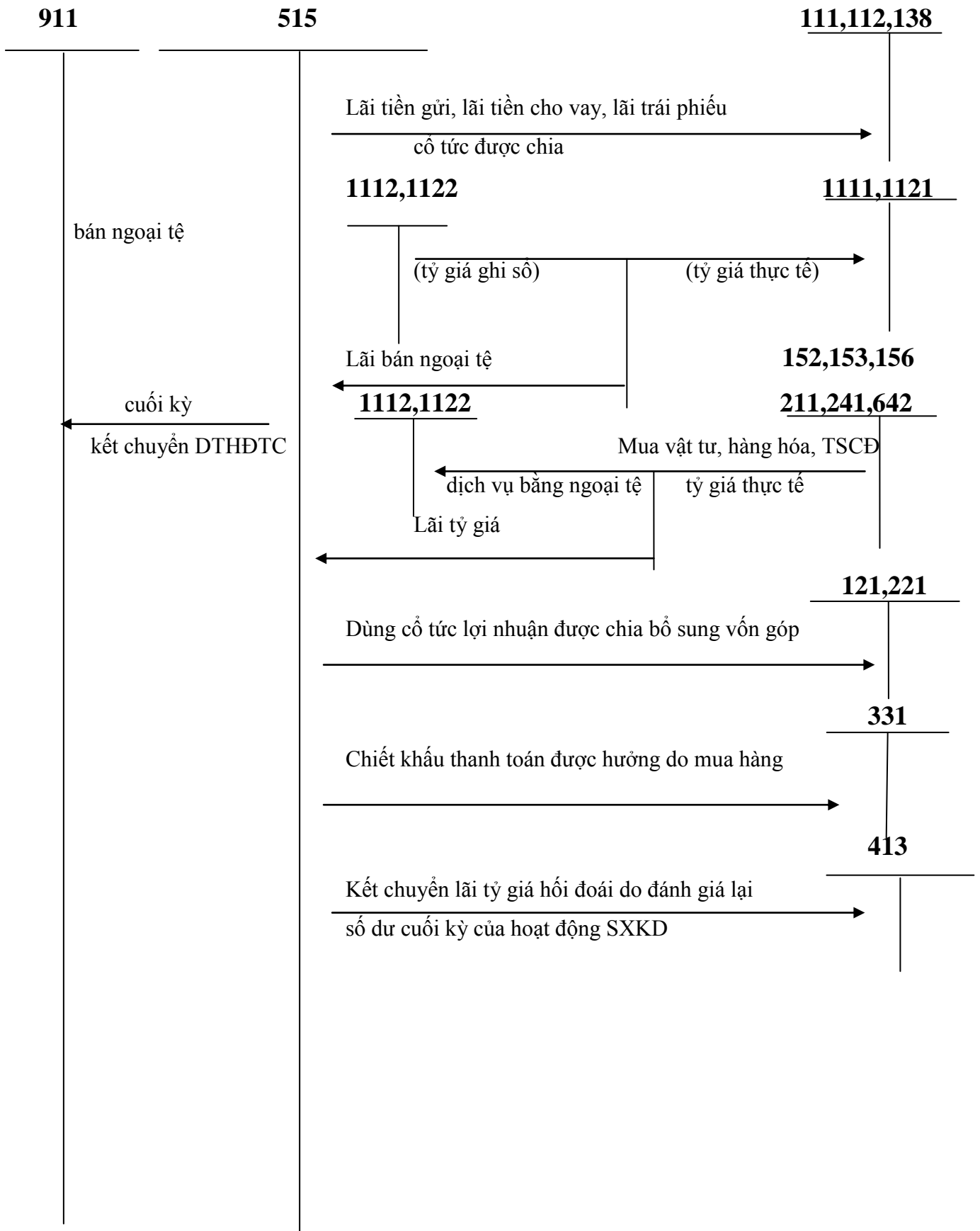
-Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

-Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCHB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.

-Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

**Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.**

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**



### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng với số lượng lớn.
- Hàng bán bị trả lại: là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua từ chối, trả lại do không tôn trọng hợp đồng kinh tế như đã ký kết.
- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hóa đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng,....

#### **Tài khoản sử dụng:**

**Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu” :**

#### **Bên nợ:**

- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.

#### **Bên có:**

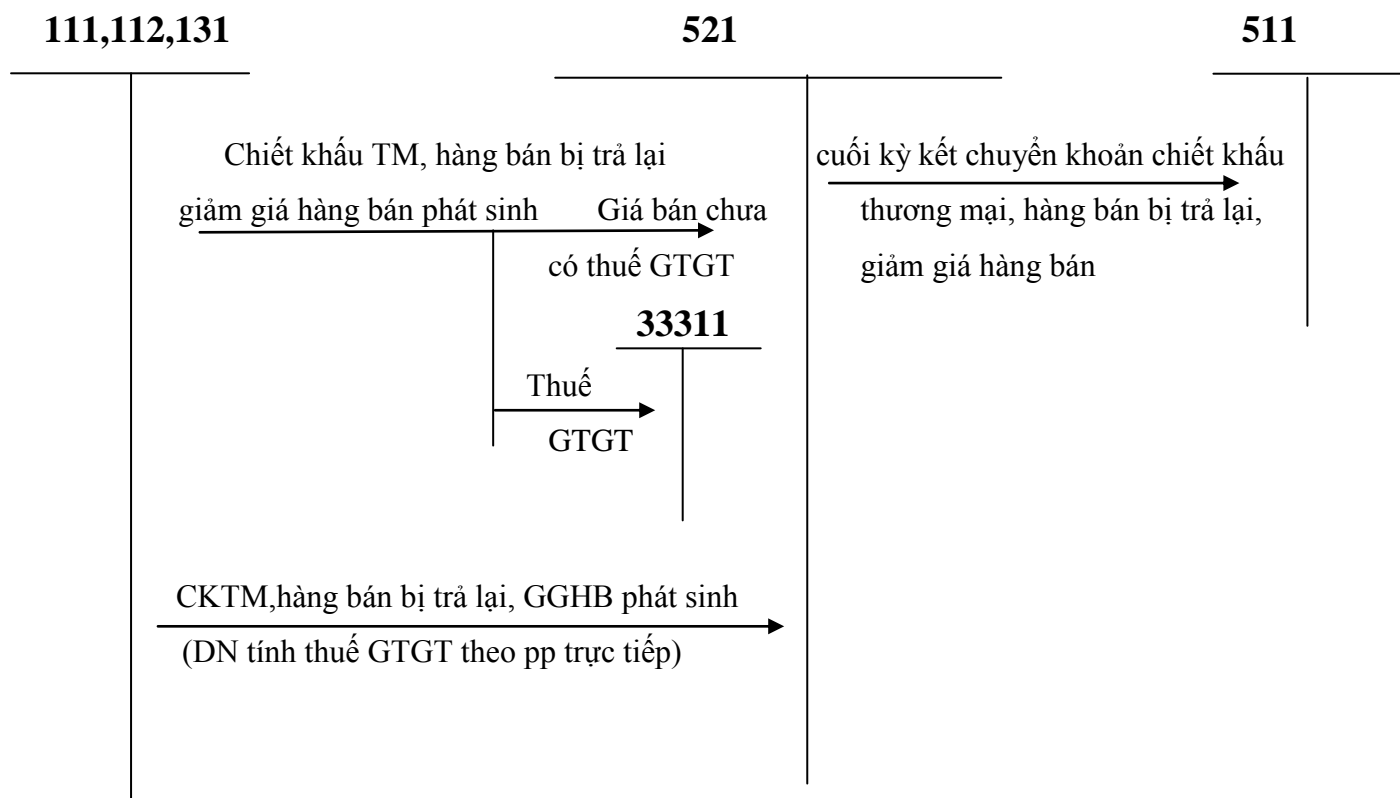
Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

**Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.**

**Tài khoản 521 – các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:**

- *Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại*
- *Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại*
- *Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán*

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**



**Chi phí quản lý kinh doanh:**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hội nghị khách hàng, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao

TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế nhà đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng phải trả, chi phí dịch vụ mua ngoài ( Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác ( Tiếp khách, hội nghị, công tác phí...) (Giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT)

**Tài khoản sử dụng:**

**Tài khoản 642 “ chi phí quản lý kinh doanh” :**

**Bên nợ:**

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

**Bên có:**

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên nợ Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh.

**Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.**

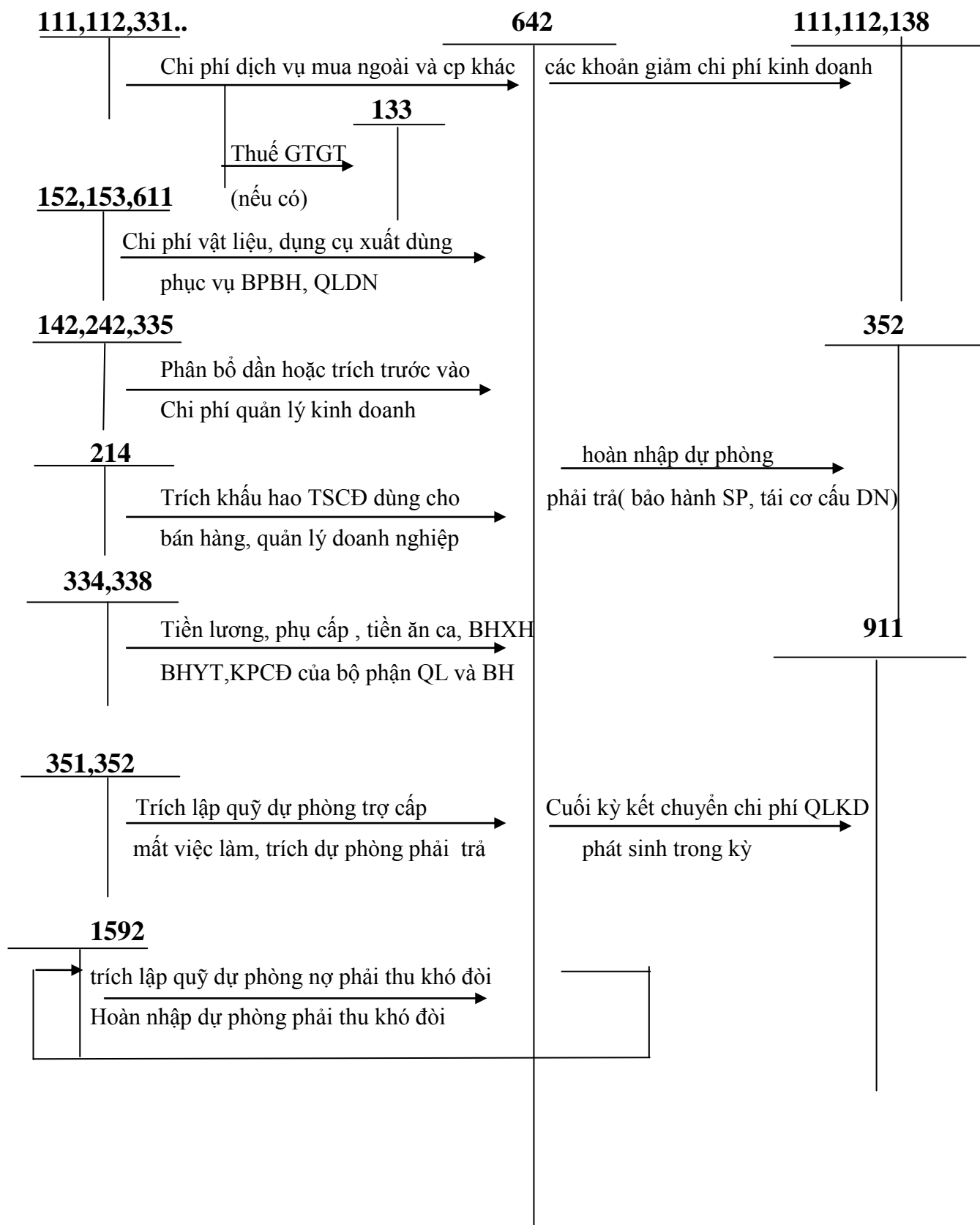
***Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh, có 2 tài khoản cấp 2:***

- *TK 6421 – Chi phí bán hàng:* Dùng để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

- *TK 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp:* Dùng để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”



**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH**



**Chi phí tài chính:**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh do bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**Tài khoản sử dụng:**

**Tài khoản 635 “ chi phí tài chính”:**

**Bên nợ:**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí tài chính khác.

**Bên có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Cuối kỳ kế toán năm, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

**Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.**

### **1.2.3. Nhóm tài khoản xác định kết quả kinh doanh của hoạt động khác**

#### **Thu nhập khác:**

Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung bao gồm: thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đem đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; thu tiền được phạt từ khách hàng do vi phạm hợp đồng; các khoản thuế được NSNN hoàn lại; thu các khoản phải trả không xác định được chủ; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân tặng cho DN; các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

#### **Tài khoản sử dụng:**

#### **Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”:**

#### **Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

#### **Bên có:**

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

#### **Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.**

#### **Chi phí khác:**

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại

của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có); chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế; các khoản chi phí khác.

**Tài khoản sử dụng:**

**Tài khoản 811 “ Chi phí khác”:**

**Bên nợ:**

Các khoản chi phí khác phát sinh.

**Bên có:**

Cuối kỳ kết chuyển các khoản phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.

**Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.**

#### **1.2.4. Nhóm tài khoản xác định kết quả kinh doanh**

**Xác định kết quả kinh doanh:**

**Tài khoản sử dụng:**

**Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”**

**Bên nợ:**

- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp.

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác.

- Chi phí quản lý kinh doanh.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

**Bên có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác.

- Kết chuyển lỗ.

**Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.**

**Lợi nhuận chưa phân phối:**

**Tài khoản sử dụng:**

**Tài khoản 421 “ Lợi nhuận chưa phân phối”**

**Bên nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

**Bên có:**

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

**Tài khoản 421 có thể có số dư bên nợ hoặc bên có.**

**Số dư bên nợ:**

Số lỗ hoạt động kinh doanh lũy kế.

**Số dư bên có:**

Số lợi nhuận chưa phân phối.

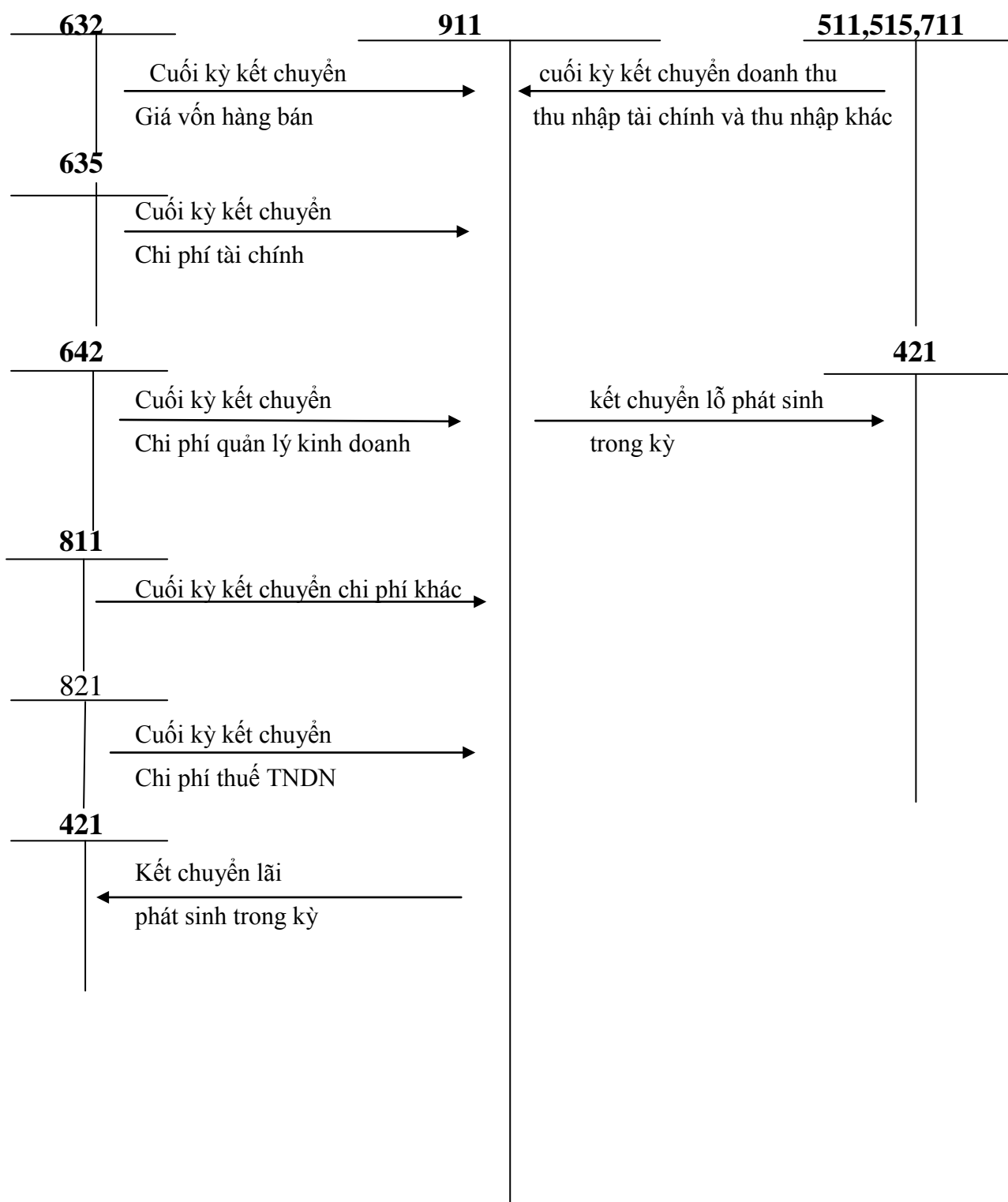
***Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2:***

- *TK 4211 – lợi nhuận chưa phân phối năm trước:* phản ánh lợi nhuận hoặc lỗ trong các năm trước chưa phân phối hoặc xử lý.

Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”.

- *TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay:* phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**



### **1.2.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách trong công tác kế toán tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Có 5 hình thức ghi sổ:

#### **1. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.**

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế ( theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái gồm các sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

#### **2. Hình thức Nhật ký chung.**

Đặc trưng cơ bản: tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo số nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức này bao gồm các loại sổ sau:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

#### **3. Hình thức Nhật ký chứng từ.**

Đặc trưng:

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng

một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các mối quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính, lập báo cáo tài chính.

#### **4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.**

Đặc trưng:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức này gồm các loại sổ:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

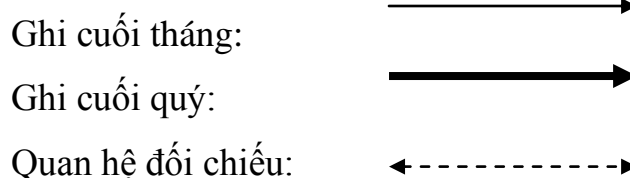
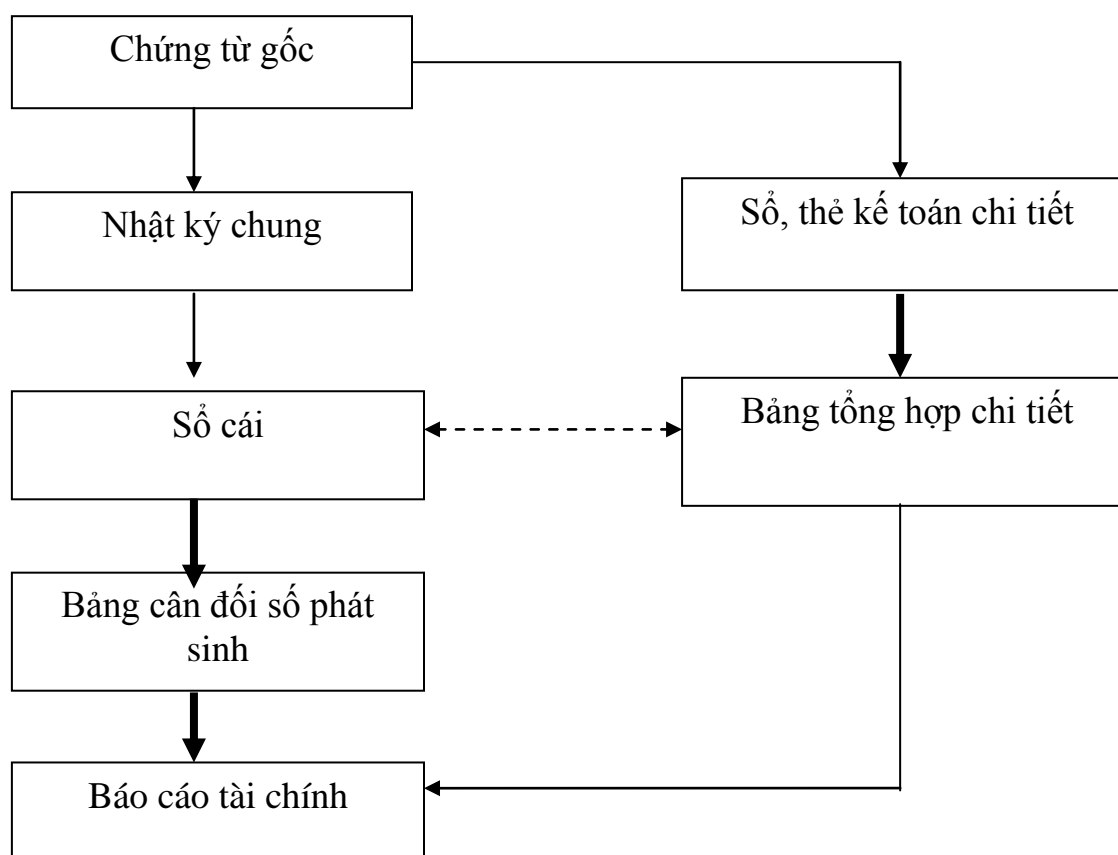
#### **5. Hình thức kế toán máy.**

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo quy tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Trong quá trình thực tập, công ty em thực tập áp dụng phương pháp ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung nên em xin được phép đi sâu vào hình thức kế toán ghi sổ Nhật ký chung.



**Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán các nghiệp vụ**



**1.2.4. Tổ chức vận dụng hệ thống Báo cáo kế toán trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài sản, nguồn vốn và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Nói cách khác, báo cáo tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời cũng như thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho những người quan tâm như những doanh nghiệp đầu tư, cơ quan thuế...

Báo cáo tài chính gồm có:

- Bảng cân đối tài khoản

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- 1. Bảng cân đối số tài khoản.
- 2. Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là 1 báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ tài sản doanh nghiệp hiện có và nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định

\*Căn cứ lập Bảng cân đối kế toán:

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp
- Căn cứ vào sổ, thẻ chi tiết hoặc bảng tổng hợp chi tiết
- Căn cứ vào bảng cân đối kế toán năm trước

\*Nội dung các cột trong bảng cân đối kế toán:

- Cột “Mã số” tương ứng với các chỉ tiêu báo cáo
- Số hiệu ghi ở cột “Thuyết minh” là số hiệu các chỉ tiêu trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết hoặc các thuyết minh bổ sung của các chỉ tiêu này trong bảng Cân đối kế toán.

- Số liệu ghi ở cột “Số năm trước” được căn cứ vào số liệu ghi ở cột “Số năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước hoặc theo số đã điều chỉnh các năm trước ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

- Số liệu ghi ở cột “Số năm nay” của báo cáo này phản ánh số liệu phát sinh trong năm nay.

### 3. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

Phản ánh tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm kết quả kinh doanh và kết quả khác

Báo cáo gồm 5 cột:

- Cột A: Các chỉ tiêu báo cáo
- Cột B: Mã số của các chỉ tiêu tương ứng
- Cột C: Số hiệu tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện

chỉ tiêu trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính

- Cột số 1: tổng số phát sinh trong năm báo cáo
- Cột số 2: số liệu của năm trước

\*Cơ sở lập báo cáo:

- Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước
- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong năm dùng cho

TK loại 5 đến loại 9

\*Phương pháp lập các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- Doanh thu thuần căn cứ vào bên nợ TK 511 trong mỗi quan hệ đối ứng với bên có TK 911( lấy chỉ tiêu doanh thu – các khoản giảm trừ)

- Giá vốn hàng bán: căn cứ vào bên có TK 632 trong mỗi quan hệ đối ứng với TK 911 để ghi

- Lợi nhuận gộp = Doanh thu – giá vốn hàng bán

- Doanh thu hoạt động tài chính: căn cứ vào bên nợ TK 515 trong mỗi quan hệ đối ứng với TK 911 để ghi

- Chi phí tài chính: căn cứ vào bên có TK 635 trong mỗi quan hệ đối ứng với TK 911 để ghi

- Chi phí quản lý kinh doanh: căn cứ vào bên có TK 642 trong mỗi quan hệ đối ứng với TK 911 để ghi

- Lợi nhuận thuần = Lợi nhuận gộp + (doanh thu hoạt động tài chính – chi phí tài chính) – chi phí quản lý kinh doanh

- Thu nhập khác căn cứ vào bên nợ TK 711 đối ứng với bên có của TK 911 để ghi

- Chi phí khác căn cứ vào bên có TK 811 đối ứng với bên nợ TK 911 để ghi

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần + Lợi nhuận khác

- Chi phí thuế TNDN căn cứ vào bên có TK 821 đối ứng với bên nợ TK 911 để ghi

- Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - thuế TNDN

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**

### **2.1. Đặc điểm chung về tình hình hoạt động của công ty**

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Phú Hưng
- Công ty TNHH Phú Hưng là doanh nghiệp ngoài quốc doanh có trụ sở chính đặt tại: khu 6 – Phường Quán Trữ - Quận Kiến An – Thành phố Hải Phòng.
- Vốn điều lệ: 40.879.890.000
- Số điện thoại: 0313790156

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

- Giấy phép thành lập công ty số: 005802GP/TLDN -02 ngày 17/10/1996 của UBND thành phố Hải Phòng.

- Đăng ký kinh doanh số: 052289 được Ủy ban kế hoạch (nay là sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 1996.

- Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 052289 ngày 23/10/2009.

- Giấy chứng nhận vận hành hệ thống quản lý phù hợp với các yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001-2000, chứng chỉ số QS6745 ngày 04/01/2009.

Công ty TNHH Phú Hưng tiền thân là xưởng sản xuất cơ khí, sắt thép, đồ mộc với quy mô nhỏ, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm đầu thập niên 90 với số vốn tự có không nhiều, cơ sở vật chất thiếu thốn, số lượng lao động chỉ là 20 người. Đến đầu năm 1996, do tình hình thực tế cũng như nhu cầu thị trường trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, ban lãnh đạo đã họp lại, cùng chung vốn và xin ý kiến cấp trên ra quyết định thành lập công ty. Với quyết định này hoạt động sản xuất kinh doanh của phân xưởng đã mở rộng sang lĩnh vực nhận thầu xây dựng các cơ sở hạ tầng, công trình công nghiệp – dân dụng, giao thông thủy lợi, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, đồ mộc; trang trí nội, ngoại thất. Sự thay đổi này đã mở ra cho doanh nghiệp một bước phát triển mới đầy triển vọng trong cơ chế thị trường. Từ đó công ty không ngừng sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, tăng năng lực sản

xuất, đổi mới phương thức quản lý để phù hợp với xu thế phát triển chung, đưa công ty phát triển vững mạnh, đời sống cán bộ công nhân viên ngày càng được nâng cao. Trải qua hơn 10 năm thành lập, công ty TNHH Phú Hưng không ngừng lớn mạnh, tăng trưởng về mọi mặt, thường xuyên xây dựng và kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực chỉ huy điều hành, quản lý, đổi mới trang thiết bị, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn hoạt động. Tính đến thời điểm này, công ty đã tiếp nhận và tiến hành thi công hàng chục công trình với quy mô lớn ở nhiều ban ngành, ở nhiều địa phương khác nhau, với yêu cầu phức tạp nhưng vẫn đảm bảo tốt yêu cầu, kỹ thuật, kiến trúc, thẩm mỹ, chất lượng và tiến độ thực hiện.

### **2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn và chiến lược phát triển kinh doanh của công ty**

#### **❖ Thuận lợi:**

Khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, công ty TNHH Phú Hưng đã có những thuận lợi sau:

- Địa bàn hoạt động của công ty không những chỉ ở trong thành phố mà còn được mở rộng ra vùng trọng điểm kinh tế phía bắc và các tỉnh lân cận. Từ đó công ty được hưởng những tiện ích về cơ sở hạ tầng, những chính sách ưu đãi của nhà nước. Thuận lợi này tạo ra những lợi thế tương đối vững chắc trong quá trình phát triển của công ty.

- Công ty có được một người giám đốc có năng lực điều hành, quản lý tốt, có những phương pháp, đường lối phát triển công ty đúng đắn, mang tính chiến lược. Đây cũng chính là cơ sở để bộ máy công ty vận hành và phát triển vững chắc trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế như ngày nay. Bên cạnh đó, công ty có đội ngũ cán bộ tham mưu, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, có năng lực giúp sức. Không thể thiếu đội ngũ công nhân viên lành nghề, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ, góp phần rất lớn cho sự phát triển của công ty.

- Trụ sở chính của công ty được đặt ở một nơi rất thuận lợi đó là nằm ở ngay chính ngã 3 trong cụm phát triển công nghiệp Quán Trữ, thuận lợi trong việc

giao dịch kinh doanh, trao đổi về thông tin kinh tế thị trường, chủ động trong việc lựa chọn các hình thức kinh doanh của công ty nhằm đáp ứng kịp nhu cầu của thị trường.

- Hoạt động của nền kinh tế ngày càng đi vào nề nếp theo hệ thống pháp luật hiện hành sẽ là thời cơ cho những doanh nghiệp làm ăn trung thực như công ty. Môi trường cạnh tranh lành mạnh sẽ giúp công ty mở rộng mối quan hệ bình đẳng với các tổ chức cá nhân, các đơn vị bạn khác trong nền kinh tế, để từ đó cùng hợp tác, cùng phát triển.

- Lợi thế so sánh với các công ty khác trên địa bàn của công ty là một vị thế kinh doanh và uy tín của công ty trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Công ty đã trải qua một thời gian dài hơn 10 năm phát triển bền vững trong lĩnh vực này. Lợi thế này sẽ giúp cho công ty luôn chủ động phát triển nội lực và tăng cường sức cạnh tranh trên địa bàn.

- Bên cạnh đó, công ty luôn nhận được những đơn đặt hàng, gói thầu của những đối tác truyền thống đồng thời thường nhận được những công trình của những đối tác mới. Do đó, hàng năm số lượng công trình mà công ty nhận thầu và trúng thầu luôn tăng cao. Công ty luôn cố gắng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kế hoạch đã đề ra, làm ăn có hiệu quả, đúng pháp luật. Công ty luôn thực hiện nghĩa vụ đóng thuế với nhà nước và góp phần xứng đáng trong công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

### ❖ Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi mà công ty có được thì bên cạnh đó công ty cũng gặp không ít những khó khăn thử thách.

- Do đặc thù của công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nên địa bàn sản xuất kinh doanh mở rộng hầu hết các quận huyện trong thành phố và các tỉnh thành lân cận, cán bộ công nhân viên phân tán rải rác nên việc quản lý, giám sát gặp nhiều khó khăn.

- Hiện tại công ty là một doanh nghiệp quốc doanh, lại hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, nhận thầu các công trình nên khối lượng vốn bỏ ra hoàn thành công

trình là rất lớn mà chỉ được ứng trước với một số vốn nhất định, chỉ khi hoàn thành xong công trình đưa vào bàn giao công trình mới được nhận đầy đủ. Vì vậy, công ty thường xuyên gặp khó khăn về vốn trong quá trình thi công. Giá nguyên vật liệu đầu vào không ổn định trong thời gian gần đây. Giá nguyên vật liệu để xây dựng thường xuyên tăng cao. Có những mặt hàng tăng 100%, thậm chí có những mặt hàng tăng tới 200% (gạch) trong khi đó công ty đã ký hợp đồng các gói thầu từ khoảng thời gian trước đó khi mà nguyên vật liệu vẫn còn rẻ. Đây là một bài toán khó mà cần được giải bởi lẽ công ty phải bỏ ra một khoản tiền lớn để bù lỗ các công trình.

- Công ty thành lập và đi vào hoạt động trong thời kỳ Đảng và nhà nước ta có chủ trương đẩy mạnh sức cạnh tranh của nền kinh tế nên công ty phải đương đầu nhiều hơn với rủi ro trong sản xuất kinh doanh.

- ❖ Chiến lược phát triển kinh doanh của công ty:

- Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ 2001 – 2010 sẽ tạo cho công ty nhiều cơ hội mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là chủ trương đẩy mạnh xây dựng sản xuất cơ sở hạ tầng. Đây là một thị trường đầy tiềm năng để công ty mở rộng khai thác mở rộng đầu tư phát triển cả về quy mô và trình độ. Trong tương lai, hoạt động của nền kinh tế ngày càng đi vào chiều sâu, vào ổn định và nề nếp theo hệ thống pháp luật hiện hành sẽ là cơ hội cho doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả cao. Môi trường cạnh tranh lành mạnh sẽ giúp công ty mở rộng mối quan hệ bình đẳng với các tổ chức cá nhân khác trong nền kinh tế. Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và đặc biệt là sự kiện Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO vào đầu tháng 1/2007 vừa qua đánh dấu một bước phát triển mới của nền kinh tế đất nước. Đây cũng là cơ hội cũng như thách thức đặt ra đối với doanh nghiệp. Muốn không bị thua ngay trên sân nhà, đứng vững và phát triển được thì phải đề ra những phương pháp để đưa doanh nghiệp mình vững bước đi lên. Công ty TNHH Phú Hưng cũng không là một ngoại lệ. Chính vì vậy, ngay từ đầu ban giám đốc công ty đã đưa ra những đường lối phát triển mang tính chiến lược.

- Công ty phát triển đường lối mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư trang máy móc thiết bị hiện đại, tập trung chú trọng nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ làm việc gián tiếp cũng như đội ngũ cán bộ nhân viên các tổ, đội sản xuất thi công trên công trường có tay nghề cao, thường xuyên đôn đốc để hoàn thành tiến độ kịp đưa vào bàn giao và vẫn đảm bảo được về chất lượng, kiến trúc, thẩm mỹ, giảm được chi phí, thực hiện tốt chiến lược hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận.

- Lãnh đạo công ty luôn cố gắng sắp xếp, bố trí những cán bộ chuyên trách vào những vị trí phù hợp với khả năng, từ đó giúp họ phát huy được hết năng lực, trình độ vào công việc chuyên môn để nâng cao hiệu quả công việc, làm lợi cho công ty. Đồng thời lãnh đạo công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. Đó là công ty đưa ra mức lương tương đối ổn định để các cán bộ công nhân viên có thể yên tâm cống hiến, làm việc đầy trách nhiệm. Ngoài ra công ty còn thường xuyên tăng lương cho những người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Định kỳ tháng, quý có thưởng cho tập thể và các cá nhân lao động.

Bên cạnh đó lãnh đạo công ty cũng không quên quan tâm đến đời sống cán bộ công nhân viên bằng những việc làm cụ thể và thiết thực như: thăm, hỏi khi có người trong công ty ốm, đau, thai sản, tổ chức tham quan du lịch, lễ bái....

- Công ty đưa ra những chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng những lao động có kinh nghiệm làm việc, có chất xám, có trình độ chuyên môn cao phù hợp với công việc đòi hỏi khả năng nhạy bén và tư duy.



**2.1.3. Những thành tích công ty đạt được trong những năm gần đây:**

*Đơn vị tính: 1000 đồng*

STT	Tên công trình	Tên cơ quan chủ đầu tư	Loại công việc thực hiện	Giá trị hợp đồng
1	Nhà điều dưỡng ngân hàng NN&PTNT Việt Nam tại thị xã Đồ Sơn - HP	Ngân hàng NN&PTNT Hải Phòng	Xây mới 9 tầng	20.000.000
2	Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ công an thành phố HP	Công an thành phố Hải Phòng	Xây mới 7 tầng	16.776.354
3	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng làm nhà để bán và tái định cư phường Bắc Sơn	Công ty TNHH Phú Hưng	Xây mới	18.275.470
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật công viên rừng thiên văn- Quận Kiến An	UBND Quận Kiến An	Nâng cấp cải tạo	15.067.828
5	Mở rộng nhà hiệu bộ Học viện ngân hàng	Học viện ngân hàng Hà Nội	Xây mới 7 tầng	8.107.054
6	Dự án xây dựng khu nhà ở để bán phường Quán Trữ	Công ty TNHH Phú Hưng	Xây mới	8.024.000
7	Xây dựng thoát nước và đường từ, cống thi, đường Đinh Đoài đến cống chợ Cầu Vòng – Đồ Sơn	UBND thị xã Đồ Sơn	Cải tạo nâng cấp	5.500.000
8	Xây dựng móng trường dạy nghề Thái Bình	Trường dạy nghề Thái Bình	Xây mới	5.456.000
9	Xây dựng hạ tầng kiến trúc khu B thuộc dự án đầu tư khu tái định cư đường Lê Quý Đôn – Thái Bình	Ban quản lý dự án đường Trần Lãm – Thái Bình	Xây mới	7.480.245

Ngoài ra công ty còn triển khai thực hiện nhiều công trình xây dựng khác tại địa bàn và các tỉnh ngoài.

Tổng tài sản và nguồn vốn của công ty tăng dần qua các năm với tốc độ tăng bình

## LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

quân cao. Sau đây là bảng tóm tắt tổng tài sản và nguồn vốn trong 3 năm vừa qua:

*Đơn vị tính: đồng*

Tài sản	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1- Tổng tài sản	66.361.008.255	71.523.768.135	85.299.131.436
2- Tài sản lưu động	58.081.845.039	62.136.045.336	77.093.171.291
3- Tổng nguồn vốn	66.361.008.255	71.523.768.135	85.299.131.436
4- Vốn chủ sở hữu	6.423.092.432	8.358.164.826	9.059.487.030

Bên cạnh việc thi công các công trình mới, công ty còn đẩy mạnh tiến hành thi công các công trình đang dở dang để hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình, giữ vững uy tín với bạn hàng, xây dựng kế hoạch thu vốn hợp lý để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy, trong những năm gần đây doanh thu và lợi nhuận của công ty không ngừng nâng cao, thu nhập của cán bộ công nhân viên không ngừng được cải thiện rõ rệt, được biểu hiện cụ thể qua bảng tổng hợp tài chính và kết quả hoạt động trong 3 năm vừa qua:

STT	Năm	Giá trị thực hiện	Giá trị doanh thu	Lợi nhuận
1	2006	31.510.000.000	22.112.630.734	+164.521.901
2	2007	38.200.000.000	21.530.614.751	+188.868.698
3	2008	53.500.000.000	28.054.539.655	+320.756.433
	<b>Tổng 3 năm</b>	<b>123.200.000.000</b>	<b>71.697.785.140</b>	<b>+674.147.032</b>

Ngoài ra công ty còn được chính phủ, thành phố, quận tặng rất nhiều bằng khen và được Chủ tịch nước tặng huân chương lao động hạng ba năm 2006.

### **2.1.4. Hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty**

Công ty tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề như sau:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
- Xây dựng các công trình giao thông thủy
- San lấp mặt bằng dựng kè, cầu cống, đê điều, bến đậu
- Tư vấn xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế công trình

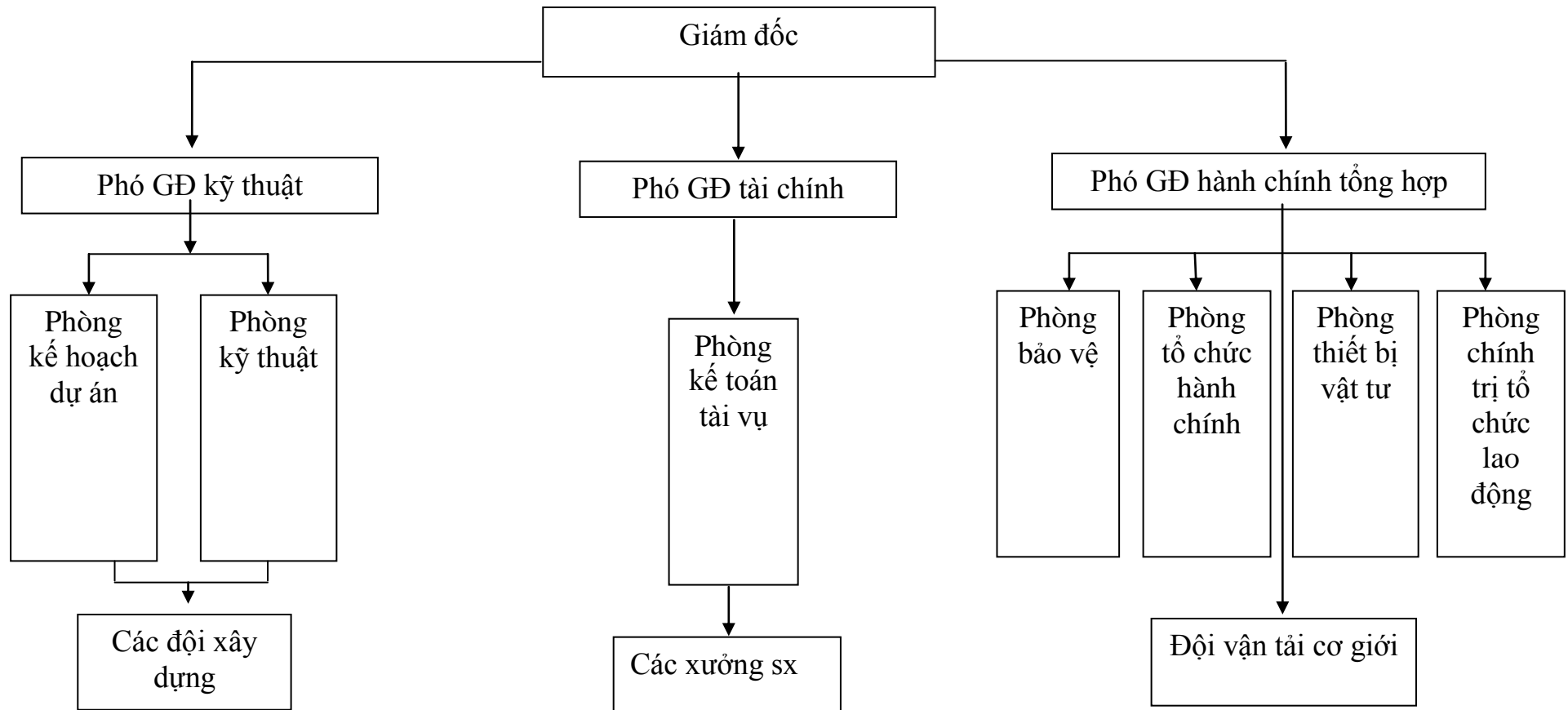
cầu hầm, đường bộ

- Trang trí nội thất, ngoại thất
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, điện lạnh, điện dân dụng
- Xây dựng công trình thủy sản với quy mô vừa và nhỏ
- Sản xuất gia công cơ khí, mộc, sắt thép xây dựng
- Chuyên chở, vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh vật tư hàng hóa

**2.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý trong công ty**

- Nhân viên gián tiếp: 65 người

Công nhân trực tiếp: 394 người (các đội quản lý)



- Đứng đầu là giám đốc: là người có vai trò và thẩm quyền cao nhất trong công ty, là người chỉ huy, chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành, quản lý chung mọi hoạt động của công ty. Giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm xây dựng chính sách đường lối phát triển hoạt động của công ty, đồng thời thường xuyên tiến hành cải tiến phương pháp làm việc sao cho hợp lý và nâng cao chất lượng công trình. Bên cạnh đó giám đốc có trách nhiệm quản lý tài chính của công ty, đảm bảo sử dụng hiệu quả và phát triển nguồn vốn của công ty.

- Phó giám đốc hành chính: quản lý chặt chẽ công tác an toàn lao động, đặc biệt là công tác văn thư mật đúng theo chế độ quy định của nhà nước, của ngành, của đơn vị. Tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát theo dõi việc thực hiện chấp hành chế độ, chính sách, nội quy – quy định của công ty. Xây dựng kế hoạch và thông báo kế hoạch đã được giám đốc phê duyệt về lịch công tác, lịch làm việc, lịch trực của công ty, của phòng ban đội xây dựng thành viên về công tác đảm bảo an toàn lao động về người và tài sản trong công ty.

- Phó giám đốc tài chính: Tham mưu cho giám đốc, có trách nhiệm quản lý bộ phận tài chính, đảm bảo số liệu chính xác, đầy đủ, trên cơ sở đó phân tích số liệu báo cáo cấp trên. Tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế, các gói thầu, các chứng từ giao dịch với ngân hàng, các biên bản, công văn khi giám đốc ủy quyền.

- Phó giám đốc kỹ thuật: Đại diện cho công ty quản lý về giải quyết các vấn đề liên quan về mặt kỹ thuật, đồng thời trực tiếp chỉ đạo phòng kỹ thuật phải theo dõi, giám sát, kiểm tra đôn đốc các tổ, đội thi công công trình.

- Các phòng chính trị - tổ chức lao động: Mọi kế hoạch của phòng chính trị được đặt dưới sự lãnh đạo của đảng ủy mà trực tiếp là bí thư đảng ủy kiêm trưởng phòng chính trị - tổ chức lao động. Chức năng của phòng chính trị tổ chức lao động là lập và báo cáo với Đảng ủy về nội dung, kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị trong công ty sau đó căn cứ vào nghị quyết của đảng ủy và mệnh lệnh của ban giám đốc để tổ chức tiến hành công tác chính trị theo nội dung, nghị quyết của Đảng ủy đề ra như công tác xây dựng Đảng, nhân sự, tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, văn hóa cho cán bộ công nhân viên toàn công ty.

Tuyển chọn phân công và điều phối lao động. Tổ chức theo dõi giám sát tổng kết hoạt động thi đua khen thưởng trong công ty nhằm động viên tất cả các cán bộ nhân viên phát huy mọi khả năng của mình để góp phần giúp cho công ty thực hiện mọi nhiệm vụ kinh tế, chính trị đặt ra.

- Phòng thiết bị vật tư: có nhiệm vụ là tìm kiếm lựa chọn nhà cung cấp đáp ứng được yêu cầu xây lắp của công ty, cung cấp vật tư hàng hóa, thiết bị một cách kịp thời, đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng các loại, đồng thời kiểm tra vật tư hàng hóa khi nhập kho, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ khi giao nhận hàng và trước khi thanh toán với người cung cấp.

- Phòng tổ chức hành chính: Thực hiện các công tác quản lý hành chính, văn phòng, giám sát theo dõi nhân sự ở các khối phòng ban, tiến hành các công tác tổ chức các khóa đào tạo nhằm đảm bảo cho cán bộ công nhân viên trong công ty có đầy đủ năng lực đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh đồng thời tiếp nhận thu nhập và bảo quản hồ sơ nhân sự, phân phối tài liệu quy định, chính sách mục tiêu, hướng dẫn ghi chép hồ sơ cho cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó quản lý và sử dụng quỹ tiền lương trên cơ sở quy chế đã ban hành.

- Phòng bảo vệ: có nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, an ninh kinh tế, nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy, quy chế và kỷ luật lao động, phòng chống cháy nổ để đảm bảo an toàn về tài sản. Bảo vệ đảm bảo an toàn trật tự tại trụ sở công ty cũng như các địa bàn nơi công ty có công trình, đồng thời phối hợp chặt chẽ công tác nghiệp vụ với cơ quan công an.

- Phòng kế toán – tài vụ: với chức năng là phòng chuyên môn tham mưu giúp giám đốc công ty thực hiện các công tác: quản lý vốn và tài sản, tổng hợp tình hình tài chính của công ty.

Phòng kế toán theo dõi tình hình công nợ và khả năng thực tế của đơn vị, căn cứ vào các chứng từ tổng hợp thu chi hạch toán sản xuất kết quả kinh doanh, tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phân tích đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh đồng thời tính toán và trích lập đầy đủ các khoản thuế nộp ngân sách nhà nước, các quỹ

để lại công ty, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả. Bên cạnh đó, phòng kế toán đề xuất với lãnh đạo đưa ra những biện pháp khắc phục những khâu còn lãng phí trong sản xuất, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả kinh tế của công ty.

- Phòng kỹ thuật: tổ chức chỉ đạo giám sát các tổ đội thi công trên cơ sở quản lý chất lượng, mỹ thuật, kỹ thuật, các công trình hạng mục công trình. Điều phối thi công đáp ứng đúng tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư, theo dõi tình hình kinh tế để có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp, quản lý và hướng dẫn các biện pháp an toàn lao động trên công trường. Tính toán các định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ cho thi công xây dựng các công trình, chịu toàn bộ trách nhiệm về mặt kỹ thuật chuẩn bị xây dựng và lập hồ sơ đấu thầu công trình, hoàn thành công tác thanh quyết toán công trình.

- Phòng kế hoạch – dự án: xây dựng kế hoạch kinh doanh của công ty gồm: kế hoạch về số lượng công trình, kế hoạch thu hồi vốn, định mức xây dựng các công trình, lao động tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ cấp trên giao. Thẩm định các dự án đầu tư, lập dự toán công trình, hạng mục công trình. Lập kế hoạch tháng, quý, năm để báo cáo giám đốc của công ty.

- Các đội xây dựng: bao gồm các đội trưởng, nhân viên kỹ thuật và công nhân trực tiếp thi công theo hình thức nhận khoán từ công ty.

- Các xưởng sản xuất: gồm xưởng gia công sắt thép, đồ mộc, đồ trang trí nội ngoại thất, là những đơn vị trực tiếp tổ chức sản xuất dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo công ty và các phòng ban chức năng.

- Đội vận tải cơ giới: gồm những công nhân lái xe phục vụ trực tiếp cho việc thi công trên công trường, chuyên chở hàng hóa vật tư từ kho lớn của công ty đến các công trình và từ công trình này sang công trình khác.

#### **2.1.6. Mô hình bộ máy kế toán trong công ty**

- Hình thức kế toán: thực hiện theo QĐ số 48/2006/QĐ/BTC – ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC.

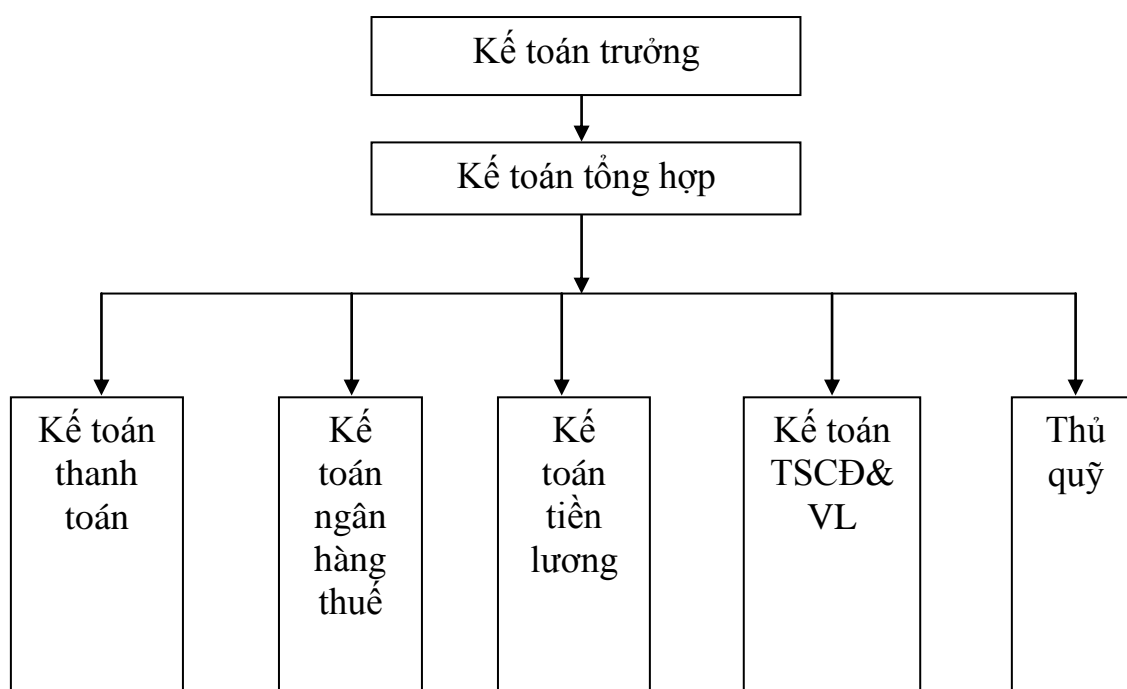
- Kỳ kế toán trong công ty: 1/1 đến 31/12

- Đơn vị tiền tệ : VNĐ

- Để phù hợp với đặc điểm sản xuất và loại hình kinh doanh của công ty cũng như phù hợp với nội dung, trình tự và phương pháp ghi chép của mỗi hình thức sổ kế toán, công ty TNHH Phú Hưng áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi chép và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Theo hình thức sổ kế toán Nhật ký chung tại công ty sử dụng các loại sổ kế toán tổng hợp: sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản và các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết, các loại tờ kê chi tiết được vận dụng một cách linh hoạt phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của công ty.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ nhật ký chung.

- Doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ
- Hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Xuất kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước



- Kế toán trưởng là người đứng đầu và trực tiếp phụ trách phòng kế toán – tài vụ của công ty, chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp lý, tài chính cấp trên và giám đốc công ty về các vấn đề có liên quan đến tình hình tài chính, công tác kế toán của công ty, có nhiệm vụ quản lý tổ chức và điều hành toàn bộ công tác kế



toán tài chính theo hoạt động chức năng chuyên môn, kiểm tra công tác hạch toán kế toán, thống kê do nhân viên kế toán thực hiện, tham mưu cho lãnh đạo công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh về công tác quản lý tài chính kinh tế như sử dụng vật tư, tiền vốn của công ty theo đúng chế độ, chính sách quy định tài chính mà nhà nước ban hành.

- Kế toán tổng hợp: đối chiếu và tổng hợp các số liệu kế toán do các bộ phận kế toán khác chuyển sang để ghi vào sổ cái tổng hợp cho các phần hành, thực hiện các bút toán kết chuyển khóa sổ kế toán cuối kỳ, tổng hợp chi phí giá thành cho các tổ, đội, công trình. Giám sát và kiểm tra công tác hạch toán của các nhân viên kế toán khác, lập các báo cáo tài chính của công ty.

- Kế toán thanh toán: theo dõi tình hình thu – chi sử dụng quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty. Theo dõi tình hình thanh toán công nợ của công ty với các đối tượng: khách hàng, nhà cung cấp, nội bộ công ty.

- Kế toán ngân hàng và thuế: Là người trực tiếp quan hệ với các cơ quan có liên quan bên ngoài công ty như : ngân hàng, cục thuế. Nhiệm vụ của kế toán viên này là theo dõi tài khoản của công ty trong ngân hàng, thường xuyên đối chiếu với ngân hàng các khoản tiền gửi, tiền vay để báo cho lãnh đạo cấp trên. Thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đối với nhà nước hàng tháng, tập hợp hóa đơn kê khai thuế đầu vào và căn cứ vào khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành thực hiện tính doanh thu kê khai thuế đầu ra với cục thuế để từ đó tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho nhà nước.

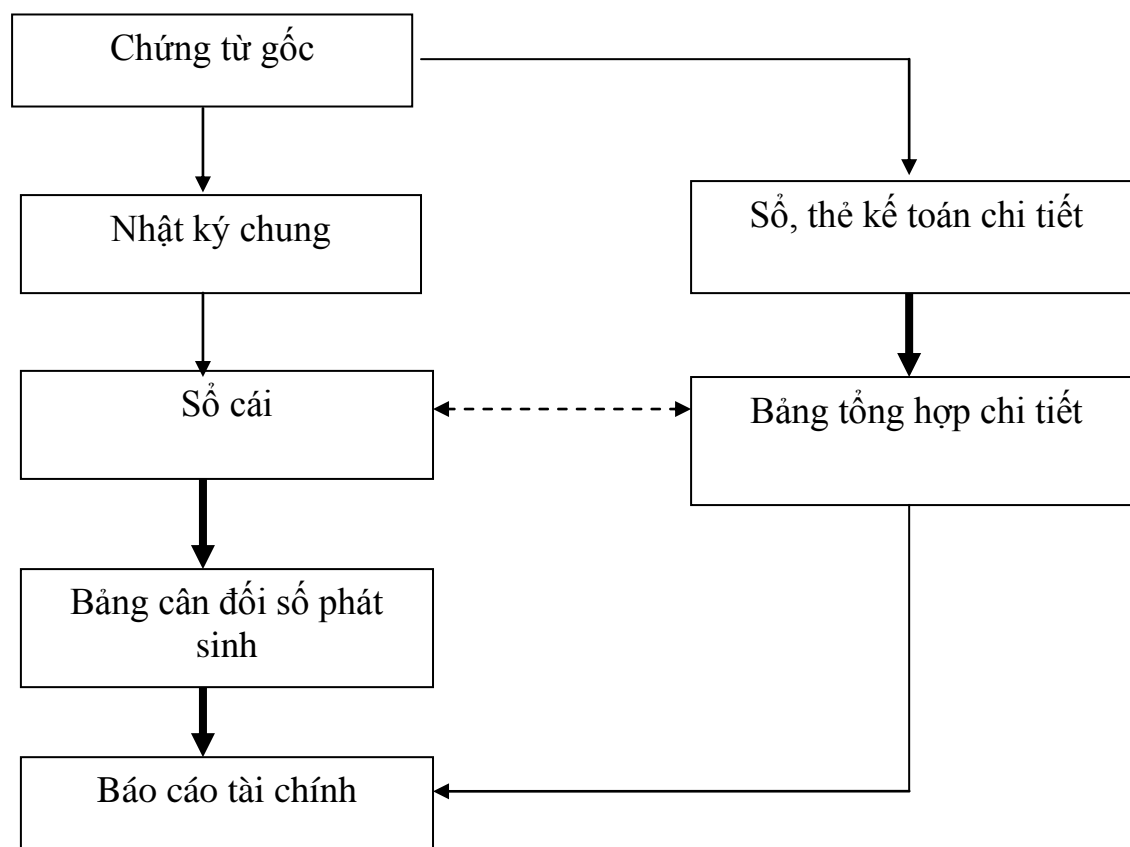
- Kế toán tiền lương: Có nhiệm vụ dựa vào bảng chấm công và bảng tính lương phải trả hạch toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản trích theo lương: BHYT, BHXH, KPCĐ và các khoản khác cho cán bộ công nhân viên trong công ty, ghi sổ chi tiết và sổ cái tài khoản tiền lương và các khoản trích theo lương chuyển lên kế toán tổng hợp.

- Kế toán tài sản cố định và vật liệu: Có nhiệm vụ làm các phần hành về tài sản cố định như: ghi thẻ tài sản, theo dõi tình hình biến động của tài sản cố định từ đó tổ chức ghi chép, phản ánh và lập báo cáo kế toán về hiện trạng, giá trị, tình

hình phát triển, đi xuống thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. Tính và phân bổ tài sản cố định và phân bổ giá trị công cụ dụng cụ. Cuối kỳ đối chiếu giữa tài sản cố định trên sổ sách với sổ thực tế kiểm kê. Hạch toán nguyên vật liệu, CCDC phân ánh số lượng, chất lượng, giá trị xuất – nhập – tồn. Tính toán và phân bổ chi phí nguyên vật liệu, CCDC vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

- Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu – chi đối với các chứng từ thanh toán đã được cấp trên phê duyệt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, ghi sổ kế toán chi tiết tiền mặt.

**Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán các nghiệp vụ**



Ghi cuối tháng: —————→  
 Ghi cuối quý: —————→  
 Quan hệ đối chiếu: <-.-.-.-.->

**2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phú Hưng.**

**2.2.1. Thực trạng vận dụng hệ thống chứng từ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Chứng từ công ty sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bao gồm:

- Hóa đơn GTGT

**Ví dụ cụ thể:**

*Ngày 15/12/2009 công ty TNHH Phú Hưng Ban quản lý đầu tư xây dựng quận Kiến An thanh toán theo khối lượng công trình với số tiền thanh toán là 600.000.000 đồng (bao gồm cả thuế GTGT 10%), đã thanh toán bằng chuyển khoản.*

Kế toán doanh nghiệp thu thập hóa đơn GTGT và định khoản như sau:

Nợ TK 112: 545.454.545

Có TK 511: 54.545.455

Có TK 3331: 600.000.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 112, 511, 333.

LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

<b>HÓA ĐƠN</b>		<b>Mẫu số: 01GTKT-3LL</b>			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>LR/2006B</b>			
<i>Liên 1: Lưu</i>		<b>0060041</b>			
Ngày 15 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:					
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
Hộ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Kiến An					
Địa chỉ: Số 2 đường Cao Toàn-P Trần Thành Ngọ - Q Kiến An- Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán :CK...MST :					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
2	Thanh toán theo khối lượng công trình đường vào Công ty TNHH Ngọc Phượng Cụm CN Quán Trữ, Q Kiến An				545.454.545
Cộng tiền hàng:			545.454.545		
Thuế suất GTGT:10%			Tiền thuế GTGT: 54.545.455		
Tổng cộng tiền thanh toán:			600.000.000		
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng chẵn./.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng.

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**

**Mẫu số: 01 – TT**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 – Quán Trữ - Kiến An – HP**

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)*

## **PHIẾU THU**

*Ngày 15 tháng 12 năm 2009*

Họ tên người nộp tiền: **NGUYỄN THỊ THUẬN**

Địa chỉ: Công ty TNHH Phú Hưng

Lý do nộp: thanh toán theo khối lượng công trình

Số tiền: **600.000.000 VND**

Bằng chữ: *Sáu trăm triệu đồng chẵn.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

*Ngày 15 tháng 12 năm 2009.*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Thủ quỹ**

**Người lập phiếu**

**Người nhận tiền**

**(ký, họ tên, đóng dấu)**

**(Ký, họ tên)**

**(ký, họ tên)**

**(Ký, họ tên)**

**(Ký, họ tên)**

# LỆNH THANH TOÁN

## LỆNH CÓ

Số tham chiếu: 2100OTT101006626

Loại chuyển tiền: KO

Ngày lập lệnh: 10/12/2009

Ngân hàng gửi lệnh: **IKO2100** CN NHNN&PTNT T.P Hải Phòng

Ngân hàng nhận lệnh: **IKO2104** CN Q. Kiến An-TP Hải Phòng

**Người phát lệnh:** BAN QL CAC DA DT XD KIEN AN

Địa chỉ/CMND:

Tài khoản: Tại:IKO2100 CN NHNN&PTNT T.P Hải Phòng

**Người nhận lệnh:** Công ty TNHH Phú Hưng

Địa chỉ/CMND:

Tài khoản: 2104211000256 Tại: IKO2104 CN Q. Kiến An-TP Hải Phòng

Số tiền: **450.000.000VND**

Bốn trăm năm mươi triệu đồng

**Nội dung:** TT KP XAY LAP

**Thời gian chuyển tiền:** 13/12/2009 08:34:09

**Ngày nhận:** 13/12/2009

Ngày in: 15/12/2009 11:02:34

**Thanh toán viên**

**Kiểm soát**

Từ lệnh thanh toán trên, kế toán định khoản vào sổ sách như sau:

Nợ TK 112: 450.000.000

Có TK 131: 450.000.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 112, sổ chi tiết tài khoản 131. Sau đó kế toán ghi vào sổ cái TK 112, 131.

Chứng từ phục vụ bộ phận quản lý kinh doanh:

- Các hóa đơn GTGT: tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp

**Ví dụ cụ thể:**

1. Ngày 17/12/2009 công ty TNHH Phú Hưng nhận được hóa đơn tiền điện phục vụ bộ phận quản lý với số tiền là 8.840.000 đồng (chưa thuế GTGT), đã trả bằng tiền mặt.

Kế toán ghi vào sổ sách định khoản như sau:

Nợ TK 642: 8.840.000

Nợ TK 133: 884.000

Có TK 111: 9.724.000

Từ bút toán trên, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản, sổ cái tài khoản 642, 133, 111.

2. Ngày 15/11/2009 công ty TNHH Phú Hưng nhận được hóa đơn dịch vụ viễn thông phục vụ bộ phận quản lý với số tiền là 520.000 đồng (chưa thuế GTGT), đã trả bằng tiền mặt.

Kế toán ghi vào sổ sách định khoản như sau:

Nợ TK 642: 520.000

Nợ TK 133: 52.000

Có TK 111: 572.000

Từ bút toán trên, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản, sổ cái tài khoản 642, 133, 111.

## HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Mẫu số: 01/GTKT-2LN-02

Ký hiệu: AA/2009T

Số: **2986156**

### Liên 2: Giao khách hàng

Công ty TNHH MTV điện lực Hải Phòng Kỳ: 1 từ ngày 14/11 đến ngày 15/12/2009

Điện lực: Kiến An MST: 0200340211 Phiên: 4

Địa chỉ: 1282 Trần Nhân Tông Số GCS: KAQ12-063 Số hộ: -

Điện thoại: 0313211281 Tài khoản: 109 20118752.015 CN TechcombankHP

Tên và địa chỉ khách hàng: Công ty TNHH Phú Hưng

MSTKH: 0200137682-1 Mã KH: 000001407 Số C.tơ: 94645630

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền	
Ngày 17/12/2009						
		Cộng			8.840.000	
		Thuế suất GTGT: 10%. Thuế GTGT				884.000
		Tổng cộng tiền thanh toán				9.724.000
Số viết bằng chữ: Chín triệu bảy trăm hai mươi bốn triệu đồng						



Mẫu số: 01GTKT-2LN-03

Ký hiệu: AB/2009T

Số: **582784**

## HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)

Liên 2: Giao khách hàng

Mã số: 02 00287977 022

TT dịch vụ khách hàng – VTHP – Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng: Công ty TNHH Phú Hưng MST:

Địa chỉ: số 7 cụm 6 – Quán Trữ - Kiến An

Số điện thoại: 3501097

Mã số: HPG-02-375481

Hình thức thanh toán:

Dịch vụ sử dụng	Thành tiền
Kỳ hóa đơn tháng 11/2009	520.000
Cộng tiền dịch vụ(1)	520.000
Thuế suất GTGT(VAT):10%*1= tiền thuế GTGT	52.000
Tổng cộng tiền thanh toán	572.000

Số tiền bằng chữ: năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 15 tháng 11 năm 2009

**Người nộp tiền ký**

**Nhân viên giao dịch ký**

- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

Công ty mua đồ dùng văn phòng cho các phòng ban trong công ty, số tiền là 19.439.988 đồng.

Kế toán ghi vào sổ sách định khoản như sau:

Nợ TK 642:19.439.988

Có TK 111:19.439.988

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ**

**Mẫu số: 02 – TT**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 – Quán Trữ - Kiến An – HP**

*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC*

*(Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)*

## **PHIẾU CHI**

*Ngày 10 tháng 12 năm 2009*

Họ tên người nhận tiền: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Địa chỉ: Công ty TNHH Phú Hưng

Lý do chi: thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng

Số tiền: **19.439.988 VND**

Bằng chữ: *Mười chín triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn chín trăm tám mươi tám đồng*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

*Ngày 10 tháng 12 năm 2009*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>
(ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

- Bảng thanh toán lương cho nhân viên bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

- Bảng trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

**BẢNG CHI TIẾT TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

*Năm 2009*

Tên tài sản	Ngày PS	Khấu hao 1 tháng	Năm 2009		
			Nguyên giá	Khấu hao năm 2009	Giá trị còn lại cuối năm 2009
.....					
Ti vi Sam Sung	01/03/2007	750.000	36.854.545	9.000.000	27.854.545
Máy tính	24/11/2009	500.000	13.068..571	500.000	12.568.571
.....					
<b>Tổng cộng</b>			<b>7.025.067.200</b>	<b>1.899.144.952</b>	

**2.2.2. Thực trạng vận dụng hệ thống tài khoản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phú Hưng.**

Công ty sử dụng tài khoản sau trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản này có 4 tài khoản cấp 2:

- TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

- Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”

- Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

- Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”
- Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”.

Tài khoản này gồm 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”
- Tài khoản 811 “ Chi phí khác”
- Tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

- Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Tài khoản 821 “ Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp”
- Tài khoản 3334 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”
- Tài khoản 334 “ Phải trả công nhân viên”
- Tài khoản 338 “Phải trả khác”
- Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản :

Tài khoản 111 “Tiền mặt”

Tài khoản 112” Tiền gửi ngân hàng”.

Tài khoản 131 “phải thu khách hàng”

Vì sản phẩm của công ty TNHH Phú Hưng là các công trình. Công ty tiến hành xây dựng các công trình. Sau khi công trình được hoàn thành, công ty tiến hành bàn giao ngay, không nhập kho. Vì vậy, kế toán không sử dụng tài khoản 155 “ Thành phẩm”, tài khoản 156 “ Hàng hóa”.

### **2.2.3. Thực trạng vận dụng hệ thống sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Từ các chứng từ thu thập được trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: các hóa đơn GTGT đầu vào; hóa đơn GTGT đầu ra; các chứng

từ thanh toán như phiếu thu, lệnh có của ngân hàng; các chứng từ liên quan đến chi phí quản lí kinh doanh như phiếu chi, bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng và quản lí doanh nghiệp; kế toán tổng hợp và đưa vào hệ thống sổ kế toán theo trình tự như sau:

- Kế toán tập hợp từ các chứng từ gốc và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung; sổ, thẻ chi tiết tài khoản.

# LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 –Quán Trữ -Kiến An –HP**

## NHẬT KÝ CHUNG

*Năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

Ngày ,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				.....	.....
10/12	PC10	10/12	Chi phí thiết bị văn phòng			642	19.439.988	
						111		19.439.988
13/12	TT13	13/12	Thanh toán kinh phí xây lắp			112	450.000.000	
						131		450.000.000
15/12	TT15	15/12	Thanh toán theo khối lượng công trình			112	600.000.000	
						511		545.454.545
						3331		54.545.454
15/11	PC15	15/11	Chi phí dịch vụ mua ngoài			642	520.000	
						133	52.000	
						111		572.000
17/12	PC17	17/12	Chi phí lao vụ, dịch vụ mua ngoài			642	8.840.000	

LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

						133	884.000	
						111		9.724.000
			.....					
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu			511	29.035.312.356	
						515	30.018.057	
						711	40.167.925	
						911	29.105.498.338	
			Kết chuyển chi phí			911	29.617.948.812	
						632		22.439.152.476
						635		2.541.490.423
						642		3.422.432.689
						811		214.873.224
			.....					
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>304.909.012.716</b>	<b>304.909.012.716</b>

Giám đốc  
(đã ký)

Kế toán trưởng  
(đã ký)

Người ghi sổ  
(đã ký)

Kế toán tiến hành mở sổ chi tiết tài khoản 111, 112, 131



# LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**

Mẫu số **S05b-DNN**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 – Quán Trữ - Kiến An – HP**

(*QĐ số 48/2006/QĐ – BTC*)

*Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản: 111

Loại quỹ:...

Năm 2009

NT GS	NT CT	SHCT		Diễn giải	Số tiền		
		Th u	Chi		Thu	Chi	Tồn quỹ
				Số dư đầu tháng			20.623.098.208
				Số phát sinh			
				.....			
10/12	10/12		PC10	Mua thiết bị văn phòng		19.439.988	
15/11	15/11		PC11	Chi phí dịch vụ mua ngoài		520.000	
17/12	17/12		PC17	Chi phí dịch vụ mua ngoài		8.840.000	
				.....			
19/12	19/12		PC19	Mua xi măng		159.569.882	
				.....			
				Cộng phát sinh	43.889.303.112	31.050.542.311	
				<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>33.461.859.009</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Thủ quỹ**

(*đã ký*)

(*đã ký*)

(*đã ký*)

- Sau khi đã phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung; sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ cái các tài khoản, đồng thời lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản.

# LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HÙNG**  
Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 – Quán Trữ - Kiến An – HP**

Mẫu số: **S03b-DNN**  
(theo QĐ số 48/2006/QĐ/BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Năm 2009

Tên TK: Tiền mặt

Số hiệu: TK 111

NT	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK	Số tiền	
	SH	NT		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				20.623.098.208	
			Số phát sinh					
10/12	PC10	10/12	Mua thiết bị văn phòng			642		19.439.988
			.....					
15/11	PC15	15/11	Chi phí dịch vụ mua ngoài			642		520.000
			.....					
			Cộng phát sinh				43.889.303.112	31.050.542.311
			Số dư cuối kỳ				33.461.859.009	

Ngày...tháng...năm....

**Giám đốc**  
(đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(đã ký)

**Người ghi sổ**  
(đã ký)

# LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**  
Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 – Quán Trữ - Kiến An – HP**

Mẫu số **S03b-DNN**  
(*QĐ số 48/2006/QĐ – BTC*)  
*Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

Năm 2009

Tên TK: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: TK 112

NT	Chứng Từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK	Số tiền	
	SH	NT		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<b><u>4.583.562.046</u></b>	
			Phát sinh trong kỳ					
			.....					
13/12	TT13	13/12	TT KP xây lắp			131	450.000.000	
15/12	TT15	15/12	Thanh toán theo khối lượng công trình			511	545.454.545	
						3331	54.545.455	
			.....					
			Cộng phát sinh				<b>51.598.729.089</b>	<b>31.092.429.694</b>
			Số dư cuối kỳ				<b><u>3.075.521.521</u></b>	

Ngày... tháng...năm...

Giám đốc  
(đã ký)

Kế toán trưởng  
(đã ký)

Người ghi sổ  
(đã ký)

# LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: Số 7 Khu 6 – Quán Trữ -

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Kiến An –HP

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Năm 2009

Số hiệu: TK 214

Tên TK: Hao mòn tài sản cố định

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					1.780.320.126
			Phát sinh trong kỳ					
			.....					
31/12	KH31	31/12	Khấu hao TSCĐ thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp			642	9.000.000	
			.....					
			Cộng phát sinh				406.312.508	525.137.334
			<b>Dư cuối kỳ</b>					<b>1.899.144.952</b>

Ngày... tháng... năm...

Người lập  
(đã ký)

Kế toán trưởng  
(đã ký)

Giám đốc  
(đã ký)

LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

---

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 –Quán Trữ -Kiến An –HP**

**SỔ CÁI**

*Năm 2009*

Tên tài khoản: **Phải trả phải nộp khác**

Số hiệu TK:338

NT	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				124.152.862	15.665.131.993
			Phát sinh trong kỳ					
			.....					
31/12	T31	31/12	Trích các quỹ theo quy định				154 6421	52.929.271 34.380.655
31/12	KT31	31/12	Khấu trừ lương				334	27.571.556
			Cộng phát sinh				12.726.930.737	10.400.870.086
			Dư cuối kỳ					13.214.918.480

**Người lập**  
(đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(đã ký)

**Giám đốc**  
(đã ký)

**LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**

Mẫu số **S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 – Quán Trữ - Kiến An – HP**

(QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC

Năm 2009

Số hiệu:TK 154

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh

NT	Chứng Từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK	Số tiền	
	SH	NT		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>27.181.259.247</u>	
			Phát sinh trong kỳ					
			.....					
7/12	PX07	7/12	Xuất 20.000 viên gạch A1 phục vụ sx			152	14.000.000	
8/12	L08	8/12	Tiền lương nhân viên phục vụ sx			334	48.564.500	
15/12	TT15	15/12	Thanh toán kinh phí xây lắp - Giá vốn			632		350.000.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>27.692.215.907</b>	<b>25.243.710.189</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b><u>29.629.764.965</u></b>	

Ngày... tháng...năm...

**Giám đốc**  
(đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(đã ký)

**Người ghi sổ**  
(đã ký)

**LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HÙNG**

Mẫu số: **S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 –Quán Trữ -**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*

**Kiên An –HP**

*Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

*Năm 2009*

Tên tài khoản: **Giá vốn hàng bán**

Số hiệu TK: **632**

NT	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Phát sinh trong kỳ					
			.....					
15/12	TT15	15/12	Thanh toán kinh phí xây lắp			154	350.000.000	
			.....					
31/12		31/12	Kc giá vốn xác định chi phí			911		22.439.152.476
			.....					
			Cộng phát sinh				22.439.152.476	22.439.152.476
			Dư cuối kỳ					

**Người lập**  
(đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(đã ký)

**Giám đốc**  
(đã ký)

LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

---

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HÙNG**

Mẫu số: **S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 –Quán Trữ -**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*

**Kiên An –HP**

*Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

*Năm 2009*

Tên tài khoản: **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Số hiệu TK: **511**

NT	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>					
			<b>Phát sinh trong kỳ</b>					
15/12	TT15	15/12	Thanh toán theo khối lượng công trình			112		545.454.545
			.....					
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu			911	29.035.312.356	
			.....					
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>29.035.312.356</b>	<b>29.035.312.356</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>					

**Người lập**  
(đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(đã ký)

**Giám đốc**  
(đã ký)



# LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**

Mẫu số: **S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 –Quán Trữ -**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

**Kiến An –HP**

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Số hiệu TK: 333

NT	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				108.327.062	943.643.882
			Phát sinh trong kỳ					
			.....					
15/12	TT15	15/12	Thanh toán theo khối lượng công trình			112		54.545.455
31/12		31/12	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp			821		121.887.382
			.....					
			Cộng phát sinh				1.602.767.976	1.344.655.358
			Dư cuối kỳ					577.204.202

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

# LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**

Mẫu số: **S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 –Quán Trữ - Kiến An –HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

NT	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Phát sinh trong kỳ					
			.....					
10/12	PC10	10/12	Mua thiết bị văn phòng			111	19.439.988	
15/12	PC15	15/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài			111	572.000	
			.....					
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>3.422.432.689</b>	<b>3.422.432.689</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>					

Người lập  
(đã ký)

Kế toán trưởng  
(đã ký)

Giám đốc  
(đã ký)

# LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**

Mẫu số: **S03b-DNN**

Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 –Quán Trữ - Kiến An –HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản: **Xác định kết quả kinh doanh**

Số hiệu TK: 911

NT	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>					
			<b>Phát sinh trong kỳ</b>					
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí xác định kết quả kinh doanh			632	22.439.152.476	
						635	2.541.490.423	
						642	3.422.432.689	
						811	214.873.224	
						511		29.035.312.356
						515		30.018.057
						711		40.167.925
						821	121.887.381	
						421	365.662.144	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>29.105.498.338</b>	<b>29.105.498.338</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>					

Người lập  
(đã ký)

Kế toán trưởng  
(đã ký)

Giám đốc  
(đã ký)

**2.2.4. Thực trạng vận dụng hệ thống báo cáo kế toán trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Cuối năm, kế toán công ty cộng số liệu trên sổ cái rồi lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã đối chiếu số liệu trên bảng cân đối số phát sinh với số liệu ghi trên sổ cái, kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính gồm có:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Năm 2009, kế toán công ty TNHH Phú Hưng xác định kết quả kinh doanh đã đạt được của công ty như sau:**

- Kết chuyển doanh thu:

Nợ TK 511: 29.035.312.356

Nợ TK 515: 30.018.057

Nợ TK 711: 40.167.925

Có TK 911: 29.105.498.338

- Kết chuyển chi phí:

Nợ TK 911: 28.617.948.812

Có TK 632: 22.439.152.476

Có TK 635: 2.541.490.423

Có TK 642: 3.422.432.689

Có TK 811: 214.873.224

- Xác định thuế TNDN phải nộp (25%):

Nợ TK 911: 121.887.382

Có TK 821: 121.887.382

- Kết chuyển lãi:

Nợ TK 911: 365.662.144

Có TK 421: 365.662.144

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

### **3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phú Hưng**

#### **3.1.1. Kết quả**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, khi nước ta chính thức trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại thế giới WTO, đánh dấu một bước ngoặt lớn đối với nền kinh tế Việt Nam, mở ra nhiều cơ hội lớn cho các doanh nghiệp. Mặt khác sự cạnh tranh và ảnh hưởng lẫn nhau ngày càng lớn giữa các doanh nghiệp, bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển thì phải tự tìm cho mình một phương hướng và cách thức hoạt động hiệu quả nhất. Nhà nước tạo ra môi trường còn doanh nghiệp tạo ra thị trường để hoạt động. Doanh nghiệp được phép cạnh tranh trong khuôn khổ luật định, được nhà nước bảo vệ. Công ty TNHH Phú Hưng đã nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình, công ty đã tích cực đầu tư cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Công ty đa nhập mới các thiết bị văn phòng, đầu tư trang thiết bị phục vụ cho thi công công trình, đồng thời đổi mới trong công tác tổ chức quản lý sản xuất, tăng cường đào tạo và đào tạo lại để nâng cao tình độ cán bộ công nhân viên. Vì vậy công ty không những đứng vững trong nền kinh tế thị trường mà ngày càng phát triển, uy tín với khách hàng ngày càng lớn, mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển lâu dài cũng như những cơ hội làm ăn mới.

Trước sự đổi mới của xã hội và nền kinh tế thị trường, công ty luôn cố gắng tiếp cận thị trường, quan tâm đến tăng cường củng cố công tác cán bộ, nâng cao nhận thức và khả năng bắt kịp khoa học công nghệ mới, đầu tư trang thiết bị, nâng cao khả năng kinh doanh.

Trong những năm vừa qua, công ty TNHH Phú Hưng đã trải qua những giai đoạn thuận lợi và khó khăn, sự biến động của thị trường, tình trạng khủng hoảng

kinh tế... Tuy nhiên, công ty TNHH Phú Hưng vẫn gặt hái được những thành tựu đáng kể. Doanh thu của công ty vẫn tăng đều qua các năm.

Qua những thành tựu đã đạt được trong những năm vừa qua, công ty TNHH Phú Hưng đã không ngừng mở rộng thị trường, khai thác triệt để thị trường, đồng thời cũng tiếp tục phát huy thế mạnh của mình đối với thị trường quen thuộc. Để có được kết quả như ngày nay là sự đóng góp công sức rất lớn của đội ngũ nhân viên trong công ty, trong đó có sự đóng góp rất lớn của phòng tài chính kế toán. Với cách bố trí công việc hợp lý, công tác kế toán nói chung và công tác tiêu thụ nói riêng của công ty TNHH PHÚ HƯNG đã đi vào nề nếp và đạt được những thành tựu nhất định.

- **Về bộ máy quản lý:**

Công ty TNHH Phú Hưng đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả. Mọi hoạt động của công ty đều do giám đốc trực tiếp điều hành và quản lý.

- **Về bộ máy kế toán:**

Hệ thống kế toán của công ty TNHH Phú Hưng đi vào nề nếp, được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty, do đó đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát, đối chiếu số liệu phù hợp, cung cấp thông tin kinh tế, tập trung xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về một đầu mối là phòng tài chính kế toán.

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ tài chính kế toán của nhà nước, mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép vào sổ sách đầy đủ, được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ. Sổ sách được lập có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan, sử dụng đúng mẫu của bộ Tài chính.

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ trong công ty là hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Công ty TNHH Phú Hưng đã sử dụng các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực, đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương

pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và bộ phận có liên quan.

• **Về hình thức kế toán:**

Công ty đã áp dụng hệ thống kế toán mới do Bộ tài chính ban hành vào công tác kế toán. Công ty vận dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức kế toán này đảm bảo ghi chép thông tin một cách đầy đủ, chi tiết, chính xác, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu thông tin sau này, giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết, đầy đủ, nhanh chóng kết quả kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Phú Hưng được tiến hành tương đối hoàn chỉnh.

Công ty đã sử dụng đúng mẫu chứng từ theo quy định với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phản ánh đầy đủ nội dung và tính trung thực của thông tin. Kế toán thực hiện tốt việc kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ, đảm bảo tính chính xác cao, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của kế toán khi cần so sánh và đối chiếu số liệu.

Tài khoản kế toán công ty TNHH Phú Hưng sử dụng được thực hiện theo đúng chế độ ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính, đảm bảo cập nhật những quy định mới nhất về tài khoản kế toán.

Chứng từ được luân chuyển đúng quy định và có sự quy định trách nhiệm rõ ràng.

**3.1.2. Tồn tại.**

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung, công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của công ty, công ty vẫn còn có những mặt hạn chế nhất định mà công ty cần khắc phục.

\* **Về vận dụng tài khoản kế toán:**

- Công ty thực hiện hệ thống tài khoản theo quyết định 48. Theo quyết định này, tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh” bao gồm 2 tài khoản cấp 2 là 6421 “Chi phí bán hàng” và 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Trong hệ thống sổ sách của công ty, kế toán chưa hạch toán chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2. Như

vậy sẽ khó khăn trong việc phân biệt giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, khó khăn trong công tác dự toán và kiểm soát chi phí cũng như đề ra các biện pháp nhằm giảm chi phí.

Công ty chưa có chính sách thu hút khách hàng, thúc đẩy việc tiêu thụ như các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán. Vấn đề cạnh tranh trên thị trường hiện nay là rất gay gắt, quyết liệt, cần phải đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu..

**\* Về việc vận dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán:**

Công ty TNHH Phú Hưng đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên, hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi đó, hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển rất nhanh chóng, áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc áp dụng công nghệ máy tính vào công tác tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

- Tại phòng kế toán, công tác thu thập chứng từ và chưa có công tác phân loại. Bộ chứng từ được kế toán lưu chung thành một bộ gồm Hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi... Như vậy khi muốn đối chiếu và kiểm tra chứng từ gốc sẽ gặp nhiều khó khăn. Các báo cáo kế toán của công ty là báo cáo định kỳ, các báo cáo nhanh chưa được thực hiện nên tính động của thông tin kế toán (biểu hiện bởi các con số) chưa hiệu quả.

**3.2. Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phú Hưng.**

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp đơn vị quản lý chặt chẽ hoạt động tiêu thụ, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó, giúp doanh nghiệp có biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá



thành sản phẩm, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cung cấp tài liệu đáng tin cậy, có độ chính xác cao, giúp nhà quản lý đề ra những biện pháp kịp thời, giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH Phú Hưng, trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế. Nếu được khắc phục, phần hành kế toán của công ty sẽ hoàn thiện hơn. Sau đây là một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

**\*Ý kiến 1:** Hoàn thiện kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các nhà quản lý rất cần biết thông tin chi tiết, cụ thể về các khoản mục chi phí cũng như việc sử dụng và phân loại chi phí này, để từ đó lập dự toán chi phí, chủ động điều tiết. Nhưng công ty ở các khoản mục chi phí đều tập hợp và phản ánh trên TK 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”, không hạch toán chi tiết trên từng khoản mục chi phí. Do đó, thông tin mà kế toán cung cấp chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

Để giải quyết hạn chế, kế toán nên sử dụng 2 tài khoản cấp 2 của tài khoản 642 là Tài khoản 6421” Chi phí bán hàng” và Tài khoản 6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Việc này là cần thiết vì nó giúp kế toán xác định kết quả cụ thể, chính xác, giúp cho việc theo dõi quản lý được dễ dàng, từ đó đề ra các biện pháp quản lý hữu hiệu đối với các khoản chi phí này.

Ví dụ: Ngày 12/11 Công ty TNHH Phú Hưng thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông phục vụ bộ phận quản lý với số tiền là 600.000 đồng (chưa thuế GTGT), đã trả bằng tiền mặt.

Kế toán thu thập hóa đơn và định khoản như sau:

Nợ TK 6422: 600.000

Nợ TK 133: 60.000

Có TK 111: 660.000

- Hiệu quả của việc hoàn thiện:

Đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý của nhà nước do Bộ tài chính ban hành. Nhân viên kế toán có cơ sở để xác định đúng, chính xác kết quả kinh doanh, cung cấp cho nhà lãnh đạo công ty những thông tin mang tính chất thường xuyên, liên tục, có hệ thống về tình hình hiện có cũng như những biến động của các khoản mục chi phí phát sinh, phân đầu điều tiết chi phí sao cho khoản chi phí giảm thiểu được tối đa, đồng thời giúp cho công tác thanh tra của các cơ quan quản lý được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng hơn.

**\*Ý kiến 2:** Lập sổ chi tiết Giá vốn hàng bán để có thể theo dõi chi tiết giá vốn của từng công trình.

**\*Ý kiến 3:** Công ty có thể áp dụng hệ thống kế toán máy.

**\*Ý kiến 4:** Chứng từ gốc khi được chuyển về văn phòng cần phải được phân loại, sắp xếp theo từng nội dung để thuận tiện cho công tác theo dõi, đối chiếu số liệu.

**\*Ý kiến 5:** Ngoài các Báo cáo tài chính phải lập, kế toán có thể cho ra các báo cáo tài chính nhanh cung cấp kịp thời cho quản lý.

**\* Ý kiến 6:** Để đạt được hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp cần chú ý đến vấn đề nhân sự, hoàn thiện vấn đề nhân sự, nâng cao hiệu quả công tác kế toán bằng cách nâng cao trình độ của các cán bộ phòng kế toán, nâng cao trình độ tin học, bắt kịp với khoa học công nghệ mới.

**\*Ý kiến 7:** Doanh nghiệp cần nâng cao công tác quản lý và huy động vốn.

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Phú Hưng, bằng kiến thức đã học cùng với việc nghiên cứu thực tế công việc em đã tìm cho mình được nhiều bài học và kinh nghiệm bổ ích và quý báu về công tác tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán kế toán. Về cơ bản, công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tại công ty là phù hợp, phát huy hết năng lực. Quá trình sản xuất kinh doanh của công ty không ngừng phát triển, tổng số vốn, doanh thu và lợi nhuận của công ty vẫn tăng lên hàng năm, mức tích lũy tăng ngày càng cao.

Để đạt được những thành tích trong suốt thời gian qua, công ty đã phải không ngừng tìm tòi sáng tạo, cải tiến phương pháp sản xuất kinh doanh, khai thác tri thức của nhân loại, áp dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh, góp phần tạo đà cho công ty phát triển mạnh mẽ.

Hiện nay, công ty TNHH Phú Hưng đang áp dụng kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức phù hợp với thực tế tình hình tổ chức sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Kế toán đã sử dụng hệ thống sổ sách chứng từ khá đầy đủ theo quy định chung của Bộ tài chính, đảm bảo phù hợp với hệ thống kế toán tại công ty, tạo ra mối quan hệ mật thiết giữa các phần hành kế toán trong hệ thống kế toán công ty. Công tác kế toán trong công ty có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng đối với đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty luôn chú trọng đến mục tiêu an toàn vệ sinh lao động. Ngoài ra, công ty còn rất chú trọng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đội ngũ cán bộ công nhân viên bằng cách tổ chức các chuyến du lịch vào các dịp lễ, hè hay tạo điều kiện cho nhân viên trong công ty đi học các khóa bồi dưỡng, đào tạo tay nghề, trình độ chuyên môn... Lãnh đạo công ty đã rất quan tâm đến cán bộ công nhân viên. Điều đó cũng thể hiện trách nhiệm của nhân viên trong công ty.

Trong năm qua, công ty cũng giống như những công ty khác cũng gặp phải những khó khăn do bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế. Với những cố gắng không ngừng nghỉ, công ty đã không ngừng tìm ra những biện pháp để giảm thiểu số lao động bị thất nghiệp, khắc phục những khó khăn, dần dần đưa công ty hoạt động một cách ổn định.

Quá trình tìm hiểu công tác kế toán tại công ty TNHH Phú Hưng đã giúp em rất nhiều trong việc tìm hiểu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong thực tế, qua đó đưa ra một số kiến nghị, góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán trong công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày 11 tháng 6 năm 2010*

Sinh viên

**Đỗ Thị Minh Hằng**